

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 395/KL-TTCTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Dự án có khó khăn, vướng mắc tại Bộ Ngoại giao
(Trụ sở làm việc Bộ Ngoại giao)

Thực hiện Quyết định thanh tra số 672/QĐ-TTCTP ngày 23/7/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra dự án có khó khăn, vướng mắc tại Bộ Ngoại giao (Trụ sở làm việc Bộ Ngoại giao) từ ngày 25/7/2025 đến ngày 10/9/2025, Đoàn thanh tra theo Quyết định thanh tra số 672/QĐ-TTCTP đã tiến hành thanh tra đối với Bộ Ngoại giao và các tổ chức, cá nhân có liên quan tại Trụ sở cơ quan Thanh tra Chính phủ.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 163/BC-QDD ngày 11/9/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Báo cáo thẩm định số 78/BC-XIII ngày 18/9/2025 của Cục Giám sát và Thẩm định (Cục XIII); Văn bản số 4576/VPCP-V.I ngày 09/10/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả thanh tra chuyên đề các dự án có khó khăn, vướng mắc và dự thảo Kết luận thanh tra của Thanh tra Chính phủ; căn cứ các quy định của pháp luật, Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chủ trương đầu tư

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội tháng 3/2006¹, Thông báo số 62/TB-TW ngày 17/8/2007² của Bộ Chính trị và Thông báo số 197/TB-VPCP ngày 14/11/2006 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với Bộ Ngoại giao³, Bộ Ngoại giao có Tờ trình số 2825/TTr-BNG-BQLDA ngày 17/8/2007 trình Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, phương án chọn địa điểm đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao. Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4659/VPCP-CN ngày 21/8/2007 lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Các Bộ và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cơ bản đồng ý với chủ trương theo phương án 1⁴ do Bộ Ngoại giao đề xuất⁵.

Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình trụ sở Bộ Ngoại giao theo phương án 1 tại Văn bản số 1581/TTg-CN ngày 22/10/2007; giao Bộ Ngoại giao nghiên cứu đề xuất các vấn đề đặc thù trong

¹Về việc xây dựng Nhà Quốc hội mới tại vị trí Hội trường Ba Đình cũ và sẽ sử dụng trụ sở Bộ Ngoại giao tại số 1 Tôn Thất Đàm làm nơi làm việc, Bộ Ngoại giao sẽ xây dựng trụ sở mới ở một địa điểm khác.

²Về phương án quy hoạch xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D khu Trung tâm chính trị Ba Đình. Thông báo tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng Nhà Quốc hội tại lô D (18 Hoàng Diệu) thuộc Trung tâm chính trị Ba Đình và tán thành phương án xây dựng Nhà Quốc hội trên khuôn viên Hội trường Ba Đình hiện nay; đồng thời tìm địa điểm khác làm nơi làm việc cho Bộ Ngoại giao; giao toàn bộ khu làm việc và khuôn viên Bộ Ngoại giao hiện nay làm trụ sở của các cơ quan Quốc hội.

³Về trụ sở Bộ Ngoại giao, giao Bộ Ngoại giao bàn thống nhất với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan về quy hoạch cụ thể theo hướng xây mới trụ sở Bộ Ngoại giao kiên cố, hiện đại trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

⁴Lựa chọn khu đất nằm phía Bắc đường Láng-Hòa Lạc, góc đường Lê Đức Thọ, thuộc xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, có diện tích khoảng 7,1 ha.

⁵Công văn số 11779/BTC-ĐT ngày 31/8/2007 của Bộ Tài chính; Công văn số 6397/BK-KCHT&ĐT ngày 04/9/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 1894/BXD-KTQH ngày 05/9/2007 của Bộ Xây dựng; Công văn số 3505/BNMT-ĐKTK&ĐT ngày 13/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 5005/UBND-XD&ĐT ngày 17/9/2007 của UBND TP Hà Nội.

quản lý đầu tư và xây dựng để công trình bảo đảm các yêu cầu về mỹ thuật, chất lượng, thực hiện đúng tiến độ, trình Thủ tướng xem xét, quyết định; Đồng ý tách dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Bộ Ngoại giao thành 02 dự án thành phần (Dự án chuẩn bị mặt bằng và Dự án xây dựng công trình chính); Đồng ý tổ chức thi tuyển quốc tế để lựa chọn phương án kiến trúc; Bộ Ngoại giao chỉ đạo lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Bộ Ngoại giao theo đúng quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư

Bộ Ngoại giao là Chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao (Ban QLDA) là Đại diện Chủ đầu tư. Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 1629/QĐ-TCCB ngày 05/7/2007, có chức năng giúp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án xây dựng trụ sở mới của Bộ Ngoại giao và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Bộ Ngoại giao ban hành kèm theo Quyết định số 3269/QĐ-BNG ngày 18/12/2007⁶.

Năm 2007, Ban QLDA gồm: Giám đốc-Vụ trưởng, 02 Phó Giám đốc-Phó Vụ trưởng và 10 công chức. Trong đó, Giám đốc là Thạc sỹ kỹ thuật, 01 Phó Giám đốc là kỹ sư và 01 Phó Giám đốc là cử nhân tài chính; 10 công chức có 04 người là kiến trúc sư (gồm 01 người là thạc sỹ kỹ thuật, kiến trúc sư); 03 người là kỹ sư xây dựng, 02 người là kế toán, 01 người là kỹ sư kinh tế, 01 người là cử nhân ngoại giao, 01 người là cử nhân hành chính.

Các giai đoạn từ năm 2008-2025, Ban QLDA được tăng số lượng người lên 18-20 người cơ bản đủ cơ cấu ngành nghề phù hợp với yêu cầu QLDA, trong đó: ông Hoàng Hà làm Giám đốc từ 01/7/2007-11/2017; ông Hoàng Tùng làm Phó Giám đốc từ tháng 3/2012-5/2017 và Quyền Giám đốc từ 6/2017-8/2019; Ông Đoàn Quốc Tuấn làm Quyền Giám đốc từ tháng 9/2019-9/2022 và Giám đốc từ tháng 10/2022 đến nay.

3. Tình hình triển khai Dự án

3.1. Tổng mức đầu tư, quy mô của Dự án

a) Tổng mức đầu tư ban đầu

Bộ Ngoại giao đã phê duyệt tổng mức đầu tư (TMĐT) của 02 Dự án thành phần:

- Dự án 1: Dự án chuẩn bị mặt bằng có TMĐT là 159,388 tỷ đồng được Bộ Ngoại giao phê duyệt tại Quyết định số 310/QĐ-BNG-BQLDA ngày 16/02/2009.

- Dự án 2: Dự án xây dựng công trình chính có TMĐT ban đầu là 3.484,015 tỷ đồng (trong đó: Chi phí xây dựng 2.009,841 tỷ đồng; Chi phí thiết bị 491,412 tỷ đồng; Chi phí quản lý dự án 19,275 tỷ đồng; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 366,846 tỷ đồng; Chi phí khác 15,969 tỷ đồng; Chi phí dự phòng 580,669 tỷ đồng) được Bộ Ngoại giao phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-BNG ngày 07/7/2009. Thời gian thực hiện Dự án: 2009-2014.

⁶ Ban QLDA có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản quy định của nhà nước. Các nhiệm vụ cụ thể tại Khoản 1 Điều 4 Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban QLDA (thực hiện các thủ tục giao nhận đất, chuẩn bị mặt bằng; tổ chức lập dự án; tổ chức lập kế hoạch đầu thầu, lựa chọn nhà thầu; quản lý việc thực hiện, tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng; tổ chức quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí, an toàn vệ sinh môi trường; lập kế hoạch sử dụng vốn, tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn;...). Ban QLDA được chủ đầu tư ủy quyền: ký kết hợp đồng với nhà thầu sau khi Chủ đầu tư phê duyệt; thanh toán, nghiệm thu theo tiến độ hợp đồng;...

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh

Từ năm 2012 đến năm 2020, Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục và phê duyệt điều chỉnh TMĐT, phân chia Dự án thành 03 giai đoạn.

- Từ tháng 7/2012, Bộ Ngoại giao đã trình TMĐT điều chỉnh là 6.946,88 tỷ đồng. Đến tháng 5/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, xác định TMĐT điều chỉnh là 6.988,657 tỷ đồng trình Thủ tướng Chính phủ⁷. Đến tháng 7/2014⁸, Bộ Ngoại giao đã thực hiện điều chỉnh TMĐT cho giai đoạn 1 là 4.022,695 tỷ đồng, thời gian thực hiện năm 2007- 2016, trong đó:

+ Dự án 1 có TMĐT là 147,774 tỷ đồng.

+ Dự án 2 có TMĐT giai đoạn 1 là 3.874,921 tỷ đồng.

- Năm 2017⁹, Bộ Ngoại giao điều chỉnh cơ cấu TMĐT và thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành đưa giai đoạn 1 công trình vào sử dụng tháng 12/2017; thời gian quyết toán dự án hoàn thành giai đoạn 1 tháng 12/2019.

- Năm 2018¹⁰, Bộ Ngoại giao phê duyệt TMĐT giai đoạn 2 của Dự án là 706,891 tỷ đồng; thời gian thi công từ tháng 1/2020. Như vậy, TMĐT điều chỉnh (02 giai đoạn) là 4.729,586 tỷ đồng.

- Năm 2020¹¹, Bộ Ngoại giao tiếp tục phê duyệt TMĐT điều chỉnh cả Dự án, trong đó: TMĐT của cả Dự án là 6.101,901 tỷ đồng (Dự án được chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn 1: 4.022,695 tỷ đồng; giai đoạn 2: 706,891 tỷ đồng giai đoạn 3: 1.372,315 tỷ đồng). Thời gian thực hiện Dự án được điều chỉnh đến năm 2025.

c) Quy mô của dự án

Trụ sở Bộ Ngoại giao gồm 03 tòa nhà; khối nhà A cao 14 tầng, hai khối nhà B trái và B phải cao 13 tầng (trong đó bao gồm cả khối để toàn bộ công trình: 02 khối để 2 bên nhà B trái và B phải cao 03 tầng và khối để chính giữa nhà A cao 02 tầng, 01 tầng hầm và 01 tầng lửng), diện tích sàn xây dựng khoảng 126.500m² (dự kiến cho 1.800 người làm việc); ngoài ra, còn bao gồm hệ thống giao thông: đường xe chạy, hè đường, bãi để xe ngoài trời, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ, các công trình kỹ thuật hạ tầng ngoài nhà, đường thoát hiểm,...

3.2. Tình hình triển khai Dự án

a) Dự án 1 (Chuẩn bị mặt bằng)

Dự án 1 bao gồm các hạng mục: điện cao thế, hạ thế, điện chiếu sáng phục vụ thi công; san nền và công tác đền bù, giải phóng mặt bằng (GPMB).

Phương án đền bù, GPMB và hỗ trợ tái định cư do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm thực hiện. Trên cơ sở phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao của UBND huyện Từ Liêm¹², Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng đã thực hiện chi trả

⁷ Văn bản số 3385/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/5/2013.

⁸ Quyết định số 1394/QĐ-BNG ngày 14/7/2014: Hoàn thiện tòa nhà B trái để đưa vào sử dụng năm 2016; hoàn tất phần xây thô 03 tòa nhà, phần công trình ngầm và một số hạng mục bắt buộc.

⁹ Quyết định số 2712/QĐ-BNG-m (đã giải mặt 21/1/2022) ngày 15/09/2017.

¹⁰ Quyết định số 2937/QĐ-BNG-m ngày 17/10/2018: Hoàn thiện xong các hạng mục theo đúng HS thiết kế nhà B trái (trừ nhà khách, nhà trẻ); hoàn thiện đồng bộ bên trong tòa A đến tầng 4,...; lắp thang máy phục vụ phòng cháy và vận hành các thiết bị lắp trên mái tòa B phải, thi công hệ thống điện theo trục đứng để cấp điện vận hành các thiết bị AHU đã lắp đặt tại giai đoạn 1 của tòa B phải; hoàn thiện xong mặt ngoài của tòa nhà B phải và nhà A theo đúng HS thiết kế, hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan ngoài nhà, lưu ý đến tính đồng bộ khi đưa một phần tòa nhà A vào sử dụng.

¹¹ Quyết định số 2511/QĐ-BNG-m ngày 21/10/2020.

¹² Quyết định 4384/QĐ-UBND ngày 02/10/2008.

tiền trong 09 đợt, số tiền đền bù được phê duyệt sau 03 lần điều chỉnh là 132.259.424.413 đồng¹³.

Ngày 07/9/2010, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 4369/QĐ-UBND về việc thu hồi 81.809 m² đất tại góc đường Láng-Hòa Lạc và đường Lê Quang Đạo, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm giao cho Bộ Ngoại giao để thực hiện dự án. Ngày 23/12/2010, Bộ Ngoại giao đã nhận bàn giao mốc giới trên thực địa. Ngày 10/02/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội đã cấp GCNQSD số BD 985916 cho Bộ Ngoại giao, tổng diện tích đất là 81.809 m² (trong đó: đất để thực hiện Dự án xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao 71.438 m²; đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch là 10.371 m²).

Dự án 1 đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán toàn bộ và kết luận cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định. Do vậy, Đoàn thanh tra không tiến hành kiểm tra, xác minh đối với nội dung này.

b) Dự án 2 (Dự án xây dựng công trình chính)

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Dự án thực hiện 07 gói thầu tư vấn với tổng giá trị hợp đồng 148,471 tỷ đồng (trong đó gói thầu Tư vấn lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán công trình có giá trị hợp đồng 145,062 tỷ đồng, chiếm 97,7% giá trị hợp đồng của 07 gói thầu).

- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Dự án thực hiện 28 gói thầu xây lắp, thiết bị với tổng giá trị hợp đồng đã ký 4.944,688 tỷ đồng (trong đó: 16 gói thầu xây lắp 3.265,823 tỷ đồng; 12 gói thầu thiết bị 1.678,865 tỷ đồng); 54 gói thầu tư vấn với tổng giá trị hợp đồng 369,010 tỷ đồng (trong đó 02 gói thầu tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án và tư vấn giám sát có giá trị hợp đồng 128,215 tỷ đồng, chiếm 34,74% giá trị các hợp đồng tư vấn); 11 gói thầu chi phí khác với tổng giá trị hợp đồng 11,477 tỷ đồng; chi phí QLDA 29,596 tỷ đồng (tính đến hết năm 2024).

Kết quả giải ngân (tính đến ngày 01/7/2025): Dự án đã được giao 5.529,961 tỷ đồng vốn ngân sách Nhà nước (NSNN), đã giải ngân 4.294,911 tỷ đồng, tương đương 77,666 % kế hoạch vốn (*Chi tiết theo Phụ lục số 01*):

+ Giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành: 3.988,947 tỷ đồng (giá trị đã được Kiểm toán Nhà nước chấp thuận 3.794,190 tỷ đồng, tương đương 95% khối lượng hoàn thành).

+ Giá trị tạm ứng chưa thu hồi: 305,963 tỷ đồng.

Dự án xây dựng công trình chính (Dự án 2) được khởi công từ ngày 28/8/2009 (công tác thi công thực tế bắt đầu từ tháng 7/2010), đến tháng 7/2014, đã cơ bản thi công xong xây thô cả 03 tòa nhà và đến giữa năm 2017, Bộ Ngoại giao bắt đầu đưa tòa nhà B trái vào sử dụng. Đến thời điểm thanh tra, tòa nhà B trái chưa được Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng đánh giá, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Quá trình triển khai thực hiện Dự án, Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán 07 đợt (đến tháng 01/2019, giá trị đã được kiểm toán là 3.853,419 tỷ đồng). Do thời gian thanh tra ngắn và để tránh chồng chéo trong hoạt động giữa các cơ quan theo quy định, Đoàn thanh tra không tiến hành thanh tra các nội dung

¹³ Quyết định số 1394/QĐ-BNG-m ngày 14/7/2014.

đã được kiểm toán, chỉ tập trung kiểm tra, xác minh một số nội dung: thi tuyển phương án kiến trúc, lập TMĐT, tổng dự toán và một số gói thầu tư vấn có yếu tố nước ngoài (Tư vấn lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán công trình; Tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án; Tư vấn nước ngoài giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị); một số gói thầu xây lắp và thiết bị ký hợp đồng trước khi phân kỳ đầu tư, chậm tiến độ trên cơ sở một số hồ sơ, tài liệu do Bộ Ngoại giao và Ban QLDA cung cấp; nhiều hồ sơ, tài liệu không cung cấp được cho Đoàn thanh tra do Ban QLDA, nhà thầu, các đơn vị tư vấn thẩm định nêu lý do không tìm thấy, không còn lưu giữ hoặc người lưu giữ đã nghỉ, chuyển công tác, công ty dừng hoạt động.

1. Vi phạm trong việc thi tuyển chọn phương án kiến trúc

Bộ Ngoại giao tổ chức thi tuyển quốc tế¹⁴ để lựa chọn phương án kiến trúc xây dựng Trụ sở theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1581/TTg-CN ngày 22/10/2007, phê duyệt kết quả tuyển chọn các phương án thiết kế kiến trúc ngày 12/6/2008¹⁵, công bố kết quả và trao giải thưởng ngày 23/6/2008; phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc trụ sở mới của Bộ Ngoại giao mang mã số 9116 DP của Công ty Tư vấn Heerim Architects & Planners của Hàn Quốc (Công ty Heerim) là phương án chọn làm cơ sở lập dự án đầu tư ngày 22/7/2008¹⁶.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Trong quá trình chấm điểm, Hội đồng tuyển chọn phương án kiến trúc đã chấm được 03 phương án đạt từ 70 trở lên theo Quy chế để đưa vào vòng bỏ phiếu xếp loại giải thưởng, trong đó Công ty GMP International AmbH-Inros Lacker của Đức có điểm xếp hạng cao nhất là 78,2 điểm) nhưng không thực hiện theo Quy chế là bỏ phiếu chọn 1 trong 3 phương án từ 70 điểm trở lên mà lại hạ mức điểm tối thiểu (từ 70 điểm xuống 60 điểm) để đưa thêm các phương án đã bị loại tại bước đánh giá chi tiết vào bỏ phiếu xếp loại giải thưởng (trong đó có Công ty Heerim của Hàn Quốc chỉ đạt 68,3 điểm) vi phạm Quy chế làm việc của Hội đồng¹⁷ (Quy chế làm việc không có quy định về điều chỉnh mức điểm).

Ban tổ chức cuộc thi đã trình¹⁸ Lãnh đạo Bộ Ngoại giao phê duyệt phương án đạt giải B do hạ điểm trái Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn và cho phép tiếp tục hoàn thiện để làm phương án lập dự án đầu tư, thiết kế xây dựng là trái với chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức cuộc thi do Bộ Ngoại giao quy định¹⁹.

Việc lựa chọn phương án kiến trúc: sau khi triển lãm toàn bộ các phương án và lấy ý kiến góp ý của cán bộ, công chức Bộ Ngoại giao, tại cuộc họp ngày

¹⁴ Bộ Ngoại giao thành lập Ban tổ chức và phê duyệt hình thức "thi tuyển hạn chế giữa các tổ chức Tư vấn thiết kế trong nước và quốc tế" theo Quyết định số 3030/2007/QĐ-BNG ngày 06/12/2007; ban hành Quy chế thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc tại Quyết định số 94/QĐ-BNG ngày 14/01/2008; thành lập Hội đồng tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc theo Quyết định số 519/2008/QĐ-BNG-BTC ngày 13/3/2008.

¹⁵ Quyết định số 1537/2008/QĐ-BNG-BQLDA ngày 12/6/2008.

¹⁶ Quyết định 1854/2008/QĐ-BNG-BQLDA ngày 22/7/2008.

¹⁷ Điều 4 Quy chế làm việc ngày 23/5/2008 của Hội đồng tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình Trụ sở Bộ Ngoại giao: Hội đồng tuyển chọn thảo luận tập trung vào các phương án đạt 70 điểm trở lên, sau đó bỏ phiếu công khai xếp loại phương án; các phương án trên 70 điểm sẽ bỏ phiếu để xếp loại A, B và khuyến khích. Tuy nhiên, Hội đồng đã "thảo luận, thống nhất lấy thêm các phương án đạt từ 60 điểm trở lên để được tiếp tục chọn giải A và B tại Biên bản bổ sung của Hội đồng tuyển chọn ngày 25/5/2008. Trong số các phương án dưới 70 điểm, có 03 phương án đạt giải (1 giải B mã số 9116 DP của Công ty Heerim, 02 giải khuyến khích mã số 0902 HL và 1116 CK)

¹⁸ Biên bản họp Ban Tổ chức ngày 08/7/2008: Sau khi thảo luận, Ban Tổ chức cuộc thi thống nhất trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt PA được lựa chọn để nâng cấp và lập dự án đầu tư từ phương án đạt giải B - Công ty Heerim và ủy quyền cho Ban QLDA trình Lãnh đạo Bộ.

¹⁹ Điều 2. Nhiệm vụ của Ban Tổ chức cuộc thi theo Quyết định số 3030/2007/QĐ-BNG ngày 06/12/2007 chỉ gồm: Xây dựng KH, quy chế thi tuyển; HD các tổ chức TV thiết kế đăng ký dự thi; Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan và kế hoạch thi tuyển cho các tổ chức TC được chọn dự thi; Phổ biến các quy định về hồ sơ dự thi; Giúp việc cho HĐ xét chọn các phương án dự thi cho đến khi công bố kết quả thi tuyển.

07/7/2008, Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao đã chọn phương án đạt giải B-phương án của Công ty Heerim với lý do “*đạt giải cao, cán bộ đồng thuận cao, giá thành phù hợp*”²⁰. Trên cơ sở Tờ trình số 56/TTr-BQLDA ngày 22/7/2008 của Ban QLDA (theo ủy quyền của Ban Tổ chức cuộc thi) trình Lãnh đạo Bộ Ngoại giao phê duyệt phương án của Công ty Heerim để lập dự án (khái toán TMĐT của Phương án này là 1.720 tỷ đồng). Ban Tổ chức cuộc thi đã có Công văn số 107/QLDA ngày 04/8/2008 thông báo đến Công ty GMP International AmbH-Inros Lacker của Đức không lựa chọn phương án đạt giải A của Công ty với lý do “*đa số cán bộ của Bộ Ngoại giao đề nghị chọn phương án giải B của Công ty Heerim và TMĐT của phương án đạt giải A là khoản chi ngân sách quá lớn cho công sở một Bộ*” (khái toán TMĐT của Phương án đạt giải A là 181,874 triệu Euro, tương đương khoảng 4.490 tỷ đồng).

Trước đó, Bộ Xây dựng góp ý²¹ Quy chế thi tuyển đối với Ban QLDA (Bộ Ngoại giao) “*Chủ đầu tư nên đưa ra TMĐT xây dựng công trình trong khoảng cho phép để không có sự chênh lệch quá lớn về chi phí xây dựng giữa các phương án dự thi*” nhưng Bộ Ngoại giao không tiếp thu ý kiến này mà đưa yêu cầu “*hồ sơ dự thi phải có khái toán TMĐT xây dựng công trình*”. Do trong Quy chế không có hướng dẫn cụ thể về cơ sở tính toán TMĐT giai đoạn thiết kế kiến trúc, nên khái toán TMĐT nêu tại các phương án dự thi chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Phương án đạt giải A khái toán TMĐT khoảng 4.490 tỷ đồng, diện tích 170.000m² tương đương 26,41 triệu đồng/m² (trđ/m²); Phương án đại giải B của Công ty Heerim khái toán TMĐT 1.720 tỷ đồng, diện tích 126.500m² tương đương 13,65 trđ/m².

Tuy nhiên trên thực tế, TMĐT của Công ty Heerim (phương án đạt giải B) sau khi lập dự án là 3.504 tỷ đồng, tương đương 27,70 trđ/m² (cao hơn phương án đạt giải A là 1,29 trđ/m²); tổng hợp dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật tăng lên là 4.092 tỷ đồng, tương đương 32,48 trđ/m²; tổng hợp dự toán giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công là 6.988 tỷ đồng, tương đương 55,46 trđ/m² (gấp hơn 2 lần so với đơn giá theo TMĐT mà chính Công ty Heerim lập dự án, gấp 4 lần so với đơn giá theo TMĐT mà Công ty Heerim đề xuất trong phương án dự thi và gấp hơn 2 lần so với đơn giá của Phương án đạt giải A khái toán).

Như vậy, Hội đồng tuyển chọn đã thay đổi mức điểm tối thiểu để đưa thêm phương án đã bị loại tại bước đánh giá chi tiết vào bỏ phiếu để xếp loại giải thưởng, vi phạm Điều 4 Quy chế làm việc của Hội đồng ngày 23/5/2008; Ban Tổ chức trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt phương án B do hạ điểm trái Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn trái với chức năng, nhiệm vụ vi phạm Điều 2 Quyết định số 3030/2007/QĐ-BNG ngày 06/12/2007; Lãnh đạo Bộ Ngoại giao căn cứ vào các tiêu chí không có trong quy định (khái toán TMĐT của các phương án dự thi và ý kiến của cán bộ, công chức) để lựa chọn phương án đạt giải B mà không phải là phương án đạt giải A và thực tế là không đúng như tiêu chí “*giá thành phù hợp*” đã được đưa ra để quyết định việc lựa chọn phương án đạt giải B.

²⁰ Biên bản cuộc họp Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao ngày 07/7/2008.

²¹ Văn bản số 18/BXD-KTQH ngày 04/01/2008 của Bộ Xây dựng.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về tập thể Lãnh đạo Bộ Ngoại giao, Ban QLDA, Hội đồng tuyển chọn, Ban Tổ chức cuộc thi và các đơn vị, cá nhân liên quan.

2. Vi phạm trong việc lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán công trình

Bộ Ngoại giao phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư²², phê duyệt Kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án²³, giá trị gói thầu "*lập tổng mặt bằng tỉ lệ 1/500, lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, lập thiết kế bản vẽ thi công*" là 139,425 tỷ đồng.

Theo quy định tại điểm b, tiểu mục 2.3 Thông tư số 05/2005/TT-BXD ngày 12/4/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình xây dựng²⁴, Bộ Ngoại giao đã gửi Hồ sơ yêu cầu (HSYC) đến Công ty Heerim là đơn vị có phương án kiến trúc được lựa chọn để lập Hồ sơ đề xuất (HSDX) gói thầu Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán xây dựng công trình.

Căn cứ kết quả đánh giá HSDX của Viện Kinh tế xây dựng (Viện KTXD) và Báo cáo thẩm định của Cục Quản trị-Tài vụ²⁵, Bộ Ngoại giao quyết định chỉ định thầu Công ty Heerim là đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán xây dựng công trình²⁶, hai bên ký Hợp đồng số 20/2008/HĐKT ngày 13/11/2008 (giá trị hợp đồng 7.224.098 USD, trong đó giá trị hợp đồng trọn gói: 6.241.817 USD, giá trị hợp đồng phần thanh toán theo thực tế 982.281 USD; thời hạn của hợp đồng: 12 tháng với phần công việc lập dự án, thiết kế và lập tổng dự toán, 48 tháng với phần công việc giám sát tác giả). Công ty Heerim của Hàn Quốc đã được Bộ Xây dựng cho phép thực hiện công việc theo hợp đồng²⁷.

Phạm vi công việc của Tư vấn theo hợp đồng gồm: thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng (bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh tỷ lệ 1/500); Lập dự án thiết kế cơ sở; Thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán xây dựng công trình; Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán thi công xây dựng; Hỗ trợ lập kế hoạch đấu thầu và lập HSMT các gói thầu thiết bị; Đào tạo và chuyển giao công nghệ; Giám sát bản quyền tác giả.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

2.1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chi phí lập dự án, thiết kế và lập tổng dự toán; tổ chức chỉ định thầu

a) Lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán chi phí lập dự án

Ban QLDA xây dựng dự toán chi phí lập dự án đầu tư (chưa bao gồm chi phí thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán) là 95,159 tỷ đồng (tính trên cơ sở 1,8% giá trị xây lắp tạm tính: $178.000\text{m}^2 \times 27 \text{ trđ/m}^2 = 4.806 \text{ tỷ đồng}$), Viện KTXD

²² Quyết định 2533/QĐ-BNG-BQLDA ngày 29/9/2008.

²³ Quyết định 2866/QĐ-BNG-BQLDA ngày 05/11/2008.

²⁴ Tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc được lựa chọn để xây dựng công trình được đảm bảo quyền tác giả, được thực hiện lập dự án và các bước thiết kế tiếp theo khi có đủ điều kiện năng lực; nếu không có đủ điều kiện năng lực thì có thể liên danh với các tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

²⁵ Báo cáo số 504/QTTV ngày 07/11/2008.

²⁶ Quyết định 2925/QĐ-BNG-BQLDA ngày 10/11/2008.

²⁷ Quyết định 148/2008/BXD-GPTV ngày 26/11/2008.

thẩm tra²⁸ xác định tạm ghi giá trị chi phí này là 78 tỷ đồng (không nêu căn cứ). Ngày 30/01/2008, Bộ Ngoại giao phê duyệt²⁹ chi phí lập dự án đầu tư là 78 tỷ đồng theo giá trị mà Viện KTXD đề xuất. Mặc dù tại thời điểm này chưa thi tuyển kiến trúc và chưa xác định được tư vấn nước ngoài hay trong nước, nhưng khi xây dựng chi phí lập dự án đầu tư, Ban QLDA đã xác định chi phí lập dự án ở mức cao ngang với thuê tư vấn nước ngoài. Theo định mức chi phí tư vấn tại Văn bản số 1751/BXD-VP ngày 14/8/2007 của Bộ Xây dựng (Định mức 1751), giá trị tư vấn lập dự án đầu tư là 5,24 tỷ đồng (*Chi tiết theo Phụ lục số 02*) nhưng giá trị chi phí tư vấn được Bộ Ngoại giao phê duyệt là 78 tỷ đồng, cao gấp 14,9 lần so với Định mức 1751.

b) Điều chỉnh dự toán chi phí lập dự án, bổ sung chi phí thiết kế xây dựng; tổ chức chỉ định thầu

Tháng 8/2008, Ban QLDA lập dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí chuẩn bị đầu tư với giá trị 42,9 tỷ đồng (tính trên cơ sở $130.000\text{m}^2 \times 1.000\text{USD} \times 16.500\text{đ} \times 2\%$), Viện KTXD thẩm tra³⁰, xác định phần Chi phí lập dự án điều chỉnh từ 78 tỷ đồng xuống 42,9 tỷ đồng (trong Báo cáo thẩm tra của Viện KTXD chỉ ghi lý do giảm do tính lại diện tích sàn xây dựng từ 178.000m^2 xuống 130.000m^2); phần chi phí thiết kế xây dựng công trình là 96,525 tỷ đồng. Bộ Ngoại giao phê duyệt³¹ chi phí lập dự án đầu tư, thiết kế xây dựng công trình (gồm 2 phần cho hai giai đoạn) là 42,9 tỷ + 96,525 tỷ = 139,425 tỷ đồng theo giá trị được Viện KTXD thẩm tra.

Theo định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình nếu thuê tư vấn trong nước theo Định mức 1751, giá trị dự toán chi phí tư vấn lập dự án, thiết kế và tổng dự toán là 23,99 tỷ đồng (*Chi tiết theo Phụ lục số 02*). Tổng chi phí lập dự án và thiết kế được Bộ Ngoại giao phê duyệt là 139,425 tỷ đồng, cao gấp 5,8 lần tính theo Định mức 1751.

Kiểm tra nội dung chi phí thiết kế và lập dự toán cho thấy, Viện KTXD tham khảo từ tài liệu nước ngoài ("CostWorks 2007" do hãng RMMeans-Hoa Kỳ và Hanbook for Users of Consulting Service-ADB)³² để thẩm tra. Theo trích dẫn các tài liệu này trong báo cáo thẩm tra của Viện KTXD thì chi phí tư vấn thiết kế (được tính bằng mức $4,5\% \times$ Chi phí xây dựng (tính theo suất đầu tư là $1.000\text{USD}/\text{m}^2$)) - trong đó đã bao gồm cả chi phí thiết kế sơ bộ, kỹ thuật chi tiết và chi phí lập dự toán. Kết quả làm việc giữa Đoàn thanh tra với Viện KTXD (Đại diện Lãnh đạo Viện và cán bộ trực tiếp thẩm tra) xác nhận "*giá trị áp dụng lấy mức 4,5% chi phí xây dựng là toàn bộ chi phí Tư vấn thiết kế ở tất cả các giai đoạn theo quy định Việt Nam (từ lập dự án đến thiết kế chi tiết, hồ sơ bao gồm đầy đủ: thuyết minh, bản vẽ, dự toán)*". Do đó, với phương pháp tính chi phí tư vấn theo thông lệ quốc tế được Viện KTXD áp dụng thì giá trị dự toán 96,525 tỷ đồng phải bao gồm toàn bộ chi phí lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán.

²⁸ VB số 34/VKT3 ngày 17/01/2008.

²⁹ Quyết định số 250/QĐ-BNG ngày 30/01/2008.

³⁰ Công văn số 669A/VKT9 ngày 03/9/2008.

³¹ Quyết định số 2533/QĐ-BNG-BQLDA ngày 29/09/2008.

³² Theo tài liệu tham khảo "CostWorks 2007" do hãng RMMeans (Hoa Kỳ) thì chi phí tư vấn kiến trúc (Architectural Fee) tương tự như tư vấn thiết kế (sơ bộ, kỹ thuật chi tiết) có mức tối thiểu là 4,9% và tối đa 16% chi phí dự án. Theo tài liệu Hanbook for Users of Consulting Service - ADB (xuất bản lần đầu năm 2002) thì chi phí tư vấn nằm trong khoảng từ 4,5%-10% chi phí xây dựng. Tham khảo các tài liệu trên và lấy mức thấp nhất là 4,5% chi phí xây dựng.

Như vậy, Ban QLDA trình, Viện KTXD thẩm tra và Bộ Ngoại giao phê duyệt dự toán chi phí lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán 139,425 tỷ đồng (gồm 42,9 tỷ đồng chi phí lập dự án, 96,525 tỷ đồng chi phí thiết kế) là không đúng với chính tài liệu được Viện KTXD căn cứ để thẩm tra. Giá trị tư vấn cho tất các công việc này chỉ là 96,525 tỷ đồng tương đương với 46,42USD/m² (phải được giảm trừ là 42,9 tỷ đồng trước khi dùng dự toán này để làm căn cứ đàm phán hợp đồng với Công ty Heerim).

- Thực tế, trong HSĐX của Công ty Heerim kê khai về các công trình tương tự (Tòa nhà văn phòng) mà Công ty đã thực hiện tại Việt Nam có: Dự án Trung tâm Điều hành và Thông tin viễn thông ngành Điện lực Việt Nam-EVN, nhân lực chuyên môn tư vấn khoảng 30 người, thực hiện từ 11/2005 đến 5/2007 (18 tháng), nhà thầu thực hiện 3 bước, tổng diện tích sàn 123.157 m², 33 tầng nổi và 3 tầng hầm, tổng mức phí thiết kế 2,451 triệu USD, sử dụng tư vấn địa phương VNCC; Dự án Complex Development Project at Hanoi, Vietnam by Keangnam Enterprise Ltd (tòa nhà Keangnam tại Hà Nội), nhân lực chuyên môn khoảng 60 người, thực hiện 8/2007 đến 12/2008 (16 tháng), nhà thầu thực hiện 3 bước, tổng diện tích sàn 578.000 m², 70 tầng nổi phần tháp, phần nhà ở 43 tầng nổi và 01 tầng hầm, tổng mức phí thiết kế 11,8 triệu USD, không sử dụng tư vấn địa phương. Như vậy, tính chi phí thiết kế trong 1m² sàn: Dự án EVN 19,9 USD/m², Dự án Keangnam 20,4 USD/m², Dự án Bộ Ngoại giao 57,1 USD/m² (giá trị hợp đồng là 7,224 triệu USD/126.500m²).

Theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy chế thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-2007/QĐ-TTg ngày 09/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Quy chế theo Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg) "*Việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng phải bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, tiết kiệm chi phí và hiệu quả*". Theo quy định tại điểm a, tiểu mục 1.2 phần II Thông tư số 09/2007/TT-BXD ngày 02/11/2007 của Bộ Xây dựng: chi phí thuê tư vấn nước ngoài có thể được xác định theo "*Chi phí của loại công việc tư vấn của các dự án đầu tư xây dựng công trình tương tự do tư vấn nước ngoài đã thực hiện*". Đồng thời theo gạch đầu dòng thứ tư tiểu mục 2.2 phần II Thông tư số 09/2007/TT-BXD "*Giá hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài được xác định thông qua kết quả đàm phán, thương thảo giữa chủ đầu tư,... với nhà thầu tư vấn nước ngoài*".

HSĐX của Công ty Heerim đề xuất giá tư vấn với hình thức người/tháng, theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba tiểu mục 2.2 Phần II Thông tư số 09/2007/TT-BXD ngày 02/11/2007 "*Trường hợp tư vấn nước ngoài đề xuất chi phí thực hiện dịch vụ tư vấn theo dự toán tháng-người (hoặc ngày-người, giờ-người), chủ đầu tư,...tổ chức thẩm định dự toán này để trình người quyết định đầu tư phê duyệt*".

Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao không tổ chức thẩm định lại dự toán do Công ty Heerim đề xuất, không xem xét, đối chiếu với giá trị các hợp đồng tương tự mà Công ty Heerim đã thực hiện tại Việt Nam như quy định nêu trên để đàm phán giảm giá gói thầu phù hợp với các dự án tương tự, có nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN. Như vậy là vi phạm điểm a, tiểu mục 1.2 và tiểu mục 2.2 Phần II Thông tư số 09/2007/TT-BXD ngày 02/11/2007.

2.2. Về việc lập bản vẽ quy hoạch 1/500

Ngày 13/11/2008, Ban QLDA mới ký hợp đồng với Công ty Heerim để thực hiện gói thầu nhưng tháng 10/2008³³, Công ty Heerim đã thực hiện xong việc lập bản vẽ quy hoạch 1/500 phân công việc trong hợp đồng.

Ban QLDA báo cáo³⁴: Ban QLDA đề nghị Công ty Heerim sớm hoàn thành bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở trình Sở Quy hoạch-Kiến trúc Hà Nội xác nhận (Công văn số 132/BNG-BQLDA ngày 10/9/2008); đề nghị Sở Quy hoạch-Kiến trúc Hà Nội phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng khu đất dự án trụ sở Bộ (Công văn số 143/CV-BNG-BQLDA ngày 29/9/2008, kèm theo bản vẽ A0 tổng mặt bằng do Công ty Heerim lập). Thời điểm ký hợp đồng, Tư vấn đã hoàn thành việc lập quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng 1/500 vào tháng 10/2008.

Như vậy, Công ty Heerim đã triển khai công việc lập bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh tỷ lệ 1/500 trước khi ký hợp đồng.

2.3. Về việc ký bổ sung hợp đồng phát sinh tăng chi phí ngoài hợp đồng trọn gói

Kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án được Bộ Ngoại giao phê duyệt³⁵ hình thức hợp đồng trọn gói trong đó có nội dung giám sát tác giả. Tuy nhiên, chi phí giám sát tác giả 770.153 USD, tương đương 13,1 tỷ (gồm chi chuyên gia, chi khác) trong hợp đồng lại được tính theo thực tế (người/tháng) không trọn gói, vi phạm Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Ngoại giao phê duyệt và quy định về hình thức hợp đồng theo Điều 48, 49 và Điều 51 Luật Đấu thầu năm 2005.

Khi dự án chậm hoàn thành đưa vào sử dụng, Ban QLDA đã chấm dứt việc thuê Công ty Heerim thực hiện giám sát tác giả. Sau đó Ban QLDA đã ký bổ sung 02 gói thầu giám sát tác giả với Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam CDC (Nhà thầu phụ của Công ty Heerim), giá trị: 6,035 tỷ đồng. Ban QLDA đã nghiệm thu, thanh toán 5,426 tỷ đồng.

Như vậy, việc không đàm phán và ký hợp đồng trọn gói đối với chi phí giám sát tác giả, làm phát sinh thêm 6,035 tỷ đồng, (trong đó đã thanh toán cho nhà thầu 5,426 tỷ đồng) gây thiệt hại cho NSNN.

2.4. Việc lập dự án và TMĐT

TMĐT Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao do nhà thầu tư vấn chính Công ty Heerim và tư vấn phụ Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng Hà Nội (Công ty CID) lập tháng 3/2009, giá trị 3.504,706 tỷ; Viện KTXD lập Báo cáo kết quả thẩm tra TMĐT dự án (Công văn số 396/VKT-NN ngày 18/5/2009), giá trị sau thẩm tra 3.484,015 tỷ đồng (giá trị xây dựng và một số loại thiết bị tính theo đơn giá của công trình có quy mô tương tự; các thiết bị bóc tách được xác định theo báo giá trên thị trường).

Theo định mức do Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 411/QĐ-BXD ngày 31/3/2010 về công bố tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình năm 2009,

³³ Bản vẽ quy hoạch "điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm sản xuất phim truyền hình Việt Nam để xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại" đóng dấu Văn phòng đại diện Công ty Heerim tại Hà Nội, ghi thời gian hoàn thành tháng 10/2008, được Sở QHKT Hà Nội đóng dấu xác nhận ngày 17/11/2008.

³⁴ Công văn số 173/QLDA ngày 15/8/2025.

³⁵ Quyết định 2866/QĐ-BNG-BQLDA ngày 05/11/2008

suất vốn đầu tư cho công trình trụ sở cơ quan Trung ương, cấp Bộ là 7,78 trđ/m² (trong đó: xây dựng là 5,570 trđ/m², thiết bị là 1,480 trđ/m²). Công trình trụ sở Bộ Ngoại giao đã được tư vấn lập với suất đầu tư là 27,65 trđ/m² (trong đó phần xây dựng là 9,5 trđ/m², phần thiết bị được bóc tách theo hệ thống và báo giá đối với thiết bị đơn lẻ) là cao hơn 3,55 lần (phần xây dựng cao hơn 1,7 lần) so với định mức do Bộ Xây dựng công bố. Như vậy, TMĐT này đã được tư vấn tính theo cấp công trình (cấp đặc biệt) và yếu tố đặc thù của công trình.

Theo thuyết minh tính toán TMĐT do Công ty tư vấn lập, cơ sở tính toán TMĐT của Dự án này căn cứ vào TMĐT sau điều chỉnh của Dự án D329 (trụ sở Bộ Công an, số 47 Phạm Văn Đồng) và tổng dự toán của giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công Dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia. Tổng giá trị được Công ty tư vấn tham khảo từ Dự án D329 chiếm xấp xỉ 66% tổng chi phí xây lắp và chi phí thiết bị trong TMĐT bao gồm các hạng mục: phần xây dựng; cảnh quan ngoài nhà; cấp điện, chiếu sáng, chiếu sáng ngoài nhà, hệ thống điện động lực; hệ thống cấp, thoát nước, PCCC, chống sét; lắp đặt điều hòa, thông gió; thông tin liên lạc; thiết bị cáp cấu trúc, hệ thống an ninh, hệ thống tự động hóa,... Tuy nhiên, các nhà thầu tư vấn lập TMĐT, thẩm tra TMĐT không đưa ra được các tài liệu chứng minh đã tham khảo các dự án tương tự.

Kết quả làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận việc lập TMĐT ban đầu thấp, không phù hợp với quy mô công trình đặc biệt.

Thực tế, TMĐT được Bộ Ngoại giao phê duyệt tháng 7/2008 là 3.484 tỷ đồng (trong đó, xây lắp: 2.009,842 tỷ đồng; thiết bị: 491,412 tỷ đồng). Tháng 12/2009, dự toán xây dựng công trình giai đoạn thiết kế kỹ thuật do tư vấn lập là 4.092 tỷ (trong đó, xây lắp: 2.371,293 tỷ đồng, tăng 361,452 tỷ đồng; thiết bị: 862,908 tỷ đồng, tăng 371,496 tỷ đồng). Như vậy, sau 05 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án, tổng dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật đã vượt TMĐT được phê duyệt. Đến tháng 11/2011, Tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án đánh giá TMĐT là 4.934,902 tỷ đồng (trong đó, xây lắp: 2.902,437, tăng 892,595 tỷ đồng; thiết bị: 946,872, tăng 455,46 tỷ đồng so với TMĐT được duyệt). Tháng 7/2012, dự toán xây dựng công trình được Bộ Ngoại giao trình điều chỉnh 6.946,88 tỷ đồng (trong đó, xây lắp: 4.701,235 tỷ đồng, tăng 2.691,393 tỷ đồng; thiết bị: 1.437,392 tăng 945,978 tỷ đồng so với TMĐT được phê duyệt). Tháng 5/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình TMĐT điều chỉnh là 6.988,657 tỷ đồng (trong đó, xây lắp: 4.710,213 tỷ đồng, tăng 2.700,371 tỷ đồng, thiết bị: 1.455,347 tỷ đồng, tăng: 963,935 tỷ đồng).

Việc lập, thẩm định TMĐT điều chỉnh từ 3.484 tỷ đồng lên 6.988 tỷ đồng³⁶ (giá trị tăng lên 3.504 tỷ đồng bao gồm: 894 tỷ đồng tăng do yếu tố trượt giá; 1.584,8 tỷ đồng tăng do trượt giá vì tính chất đặc thù; 963,9 tỷ đồng tăng do thay đổi giá và tỷ giá hối đoái phần thiết bị; 221 tỷ đồng tăng do bổ sung khối lượng cấp trung thể và điều chỉnh thiết kế theo quy chuẩn PCCC mới; 14,8 tỷ đồng tăng chi phí QLDA; giảm 174 tỷ đồng chi phí tư vấn và chi phí khác) có nhiều nội dung thiếu căn cứ, đặc biệt là giá trị khối lượng phát sinh do tính chất đặc thù của công trình 1.584,8 tỷ đồng chưa có tài liệu chứng minh. Bộ Tài chính (trước đây

³⁶ Từ năm 2012, Bộ Ngoại giao có Tờ trình số 1970/BNG-QLDA-m ngày 26/9/2012 xin điều chỉnh TMĐT lên 6.947 tỷ đồng, sau đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, xác định TMĐT điều chỉnh là 6.988 tỷ đồng tại Văn bản số 3385/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/5/2013.

là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh phần giá trị tăng do tính chất đặc thù của công trình nhưng vẫn trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tăng TMĐT (tại Văn bản số 3385/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/5/2013). Tại thuyết minh Dự án khi lập TMĐT, hạng mục đặc biệt chỉ bao gồm sân đỗ trực thăng và hầm thoát hiểm, hai hạng mục này đã nằm trong dự toán ban đầu 3.484 tỷ đồng.

Các gói thầu tăng đột biến so với TMĐT ban đầu gồm: TB-02 (từ 28,185 tỷ đồng tăng lên 677,865 tỷ đồng), TB-04 (từ 24,257 tỷ đồng tăng lên 146,187 tỷ đồng), TB-06 (từ 89,151 tỷ đồng tăng lên 139,181 tỷ đồng), TB-09 (từ 355,942 tỷ đồng tăng lên 614,444 tỷ đồng), XL-08 (từ 312,616 tỷ đồng tăng lên 728,838 tỷ đồng), XL-09 (từ 270,430 tỷ đồng tăng lên 703,934 tỷ đồng), XL-10 (từ 261,516 tỷ đồng tăng lên 564,495 tỷ đồng). Trong đó có nhiều thiết bị có giá dự toán dùng để chỉ định thầu, ký hợp đồng cao hơn nhiều lần so với giá trị nhập khẩu được nêu tại mục 5.2.

Kiểm tra giá trị điều chỉnh: nếu xác định theo phương pháp chỉ số giá phần xây dựng do Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng Hà Nội công bố, lấy giá trị dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật làm gốc tính toán, nội suy theo chỉ số giá, giá trị (XL+TB) thời điểm năm 2012 là 5.173,08 tỷ đồng, nhưng giá trị (XL+TB) Bộ Ngoại giao trình điều chỉnh của năm 2012 là 6.138,63 tỷ đồng, vẫn cao hơn 965,55 tỷ đồng. *(Chi tiết theo Phụ lục số 03)*

Theo hợp đồng thầu phụ với Công ty Heerim (Hợp đồng số HR-VO-08-120 ngày 17/12/2008), việc lập TMĐT của Dự án do Công ty CID thực hiện chính (tỷ lệ 90% công việc-với giá trị hợp đồng là 690.000 USD), tuy nhiên, tại báo cáo của Công ty Heerim về năng lực của Công ty CID chưa từng thực hiện dự án nhóm A và dự án tương tự công trình trụ sở Bộ Ngoại giao³⁷, nhưng Ban QLDA vẫn chấp thuận để Công ty Heerim ký hợp đồng thầu phụ với Công ty CID. Ngày 25/5/2009, Công ty Heerim có Báo cáo đánh giá tư vấn phụ Việt Nam không đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi tham gia thiết dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao³⁸, ngày 29/5/2009, Ban QLDA chấp thuận cho Công ty Heerim chấm dứt hợp đồng với Công ty CID do không đảm bảo năng lực để thực hiện các công việc tiếp theo³⁹.

Kết quả kiểm tra nêu trên cho thấy: việc sử dụng tư vấn có năng lực thấp, không phù hợp với quy mô, tính chất của công trình đặc biệt, lập TMĐT ban đầu 3.484 tỷ đồng (suất đầu tư 27,65trđ/m²) cao hơn 3,55 lần suất đầu tư do Bộ Xây dựng công bố (7,78 trđ/m²) và tiếp tục trình điều chỉnh năm 2013 (55,46 trđ/m²) có dấu hiệu cố ý lập TMĐT ở mức thấp để được phê duyệt Dự án, sau khi được phê duyệt sẽ trình xin điều chỉnh tăng là vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007³⁹; Việc điều chỉnh tăng TMĐT dự án có nhiều nội dung không có căn cứ, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN được nêu tại các mục 3, 4, 5, 6 Phần II của Kết luận này.

³⁷ Báo cáo số HR-VO-08-98 ngày 24/10/2008 của Công ty Heerim.

³⁸ Báo cáo đánh giá HR-VO-09-03 của Công ty Heerim.

³⁹ TMĐT, dự toán xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thủ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, Công ty Heerim, Công ty CID và Viện KTXD.

3. Vi phạm trong việc phê duyệt dự toán và ký hợp đồng các gói thầu vượt TMĐT

Như đã nêu tại mục 2.4, sau 05 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án (từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2009), tổng dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật đã vượt TMĐT được phê duyệt 608 tỷ đồng. Ngày 08/12/2009, sau khi tư vấn thiết kế bàn giao tổng dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật, Ban QLDA không thực hiện thẩm tra dự toán, không báo cáo với Bộ Ngoại giao về việc tổng dự toán đã vượt TMĐT được phê duyệt mà vẫn tiếp tục triển khai ký hợp đồng với các nhà thầu. Đến tháng 10/2011, Tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án lập TMĐT là 4.934,902 tỷ đồng, vượt TMĐT đã được phê duyệt là 1.450,887 tỷ đồng. Thời điểm này dự án đã ký hợp đồng 08 gói thầu (trong đó: đã thi công hoàn thành 04 gói thầu cọc khoan nhồi, đang thi công 04 gói thầu móng, hầm, chống mối). Ban QLDA không cung cấp được các văn bản báo cáo Bộ Ngoại giao về việc tăng TMĐT tại thời điểm này và vẫn tiếp tục trình Bộ Ngoại giao phê duyệt dự toán thi công các gói thầu, tổ chức chỉ định thầu và thi công các hạng mục công trình.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Theo Văn bản số 1866/TTg-KTN ngày 03/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ⁴⁰ “Cho phép Bộ Ngoại giao triển khai thực hiện một số công việc (chuẩn bị đầu tư dự án công trình chính)⁴¹ của dự án đồng thời với việc phê duyệt dự án. Bộ Ngoại giao lập dự toán, thẩm định và phê duyệt theo quy định để làm cơ sở thực hiện”. Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao không thực hiện theo Văn bản số 1866/TTg-KTN mà triển khai các công việc phê duyệt dự toán các gói thầu, ký hợp đồng và tiến hành thi công là các công việc thuộc giai đoạn thực hiện đầu tư⁴² đồng thời với việc trình điều chỉnh TMĐT dự án dẫn đến chỉ riêng việc ký các hợp đồng xây lắp và thiết bị đã vượt TMĐT của dự án.

Từ tháng 9/2009 đến tháng 02/2014, Bộ Ngoại giao thực hiện phê duyệt thiết kế thi công, phê duyệt dự toán từng gói thầu song song với việc tổ chức chỉ định thầu và ký hợp đồng, triển khai thi công đối với 20 gói thầu xây lắp và thiết bị. Tổng giá trị dự toán của 20 gói thầu xây lắp, thiết bị được phê duyệt: 5.041,835 tỷ đồng; Tổng giá trị của 20 hợp đồng xây lắp, thiết bị đã ký là: 4.388,471 tỷ đồng. Giá trị hợp đồng đã vượt 904,456 tỷ đồng so với TMĐT được phê duyệt, vượt 1.887,226 tỷ đồng so với chi phí (xây dựng + thiết bị), vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số

⁴⁰ Ngày 12/9/2008, Bộ Ngoại giao có CV số 2945/BNG-BQLDA gửi Thủ tướng Chính phủ về việc xin cơ chế đặc thù cho Dự án: “Cho phép dự án được triển khai trong khi phê duyệt TMĐT; Cho phép cấp phát vốn đầu tư từ NSNN theo tiến độ thực hiện của dự án”. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính (Riêng việc xây dựng công trình chính thì chỉ được triển khai thực hiện khi dự án được phê duyệt), Bộ Xây dựng (thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ cho phép được triển khai thực hiện một số công việc của dự án đồng thời với việc phê duyệt dự án; những công việc cần triển khai cho dự án (chuẩn bị mặt bằng, công tác chuẩn bị đầu tư dự án công trình chính), đề nghị Bộ Ngoại giao lập dự toán, thẩm định, phê duyệt theo quy định để làm cơ sở thực hiện), ngày 03/11/2008, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 1866/TTg-KTN về cơ chế đặc thù

⁴¹ Công việc chuẩn bị đầu tư dự án công trình chính theo Mục II Chương 8 về Kế hoạch thực hiện dự án được phê duyệt tại Quyết định 1999/QĐ-BNG bao gồm các công việc: Khảo sát địa hình, địa chất phục vụ giai đoạn thiết kế cơ sở; Thi tuyển kiến trúc xây dựng công trình; Chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc; Thỏa thuận quy hoạch mặt bằng tổng mặt bằng và xác nhận PA-KT; Khảo sát địa chất phục vụ cho giai đoạn thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; Lập dự án đầu tư; Lập TMĐT xây dựng công trình; Phê duyệt dự án.

⁴² Theo quy định tại Chương 3 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày gồm: công tác thiết kế; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình; thi công xây dựng;...

112/2009/NĐ-CP⁴³, vi phạm điều cấm trong đấu thầu theo quy định tại khoản 17, Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2005⁴⁴ đồng thời trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1866/TTg-KTN, dẫn đến việc phải trình điều chỉnh tăng TMĐT của dự án (từ tháng 7/2012, TMĐT trình điều chỉnh lên 6.946,897 tỷ đồng), NSNN không thể bố trí được nguồn vốn nên phải phân kỳ đầu tư làm phát sinh nhiều vướng mắc, chậm tiến độ của dự án, có nguy cơ gây thiệt hại, lãng phí cho NSNN và nợ đọng vốn của một số nhà thầu đã ký hợp đồng cho cả dự án (XL-06, XL-08, XL-09, XL-10, XL-14, TB-02, TB-04, TB-09), cụ thể:

- Phát sinh các vấn đề về tranh chấp hợp đồng với các nhà thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ của dự án: nhà thầu cung cấp lắp đặt điều hòa không khí, thông gió - TB09 không đồng ý ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng theo giai đoạn và đề nghị thanh lý hợp đồng làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của một số gói thầu khác (XL-08, XL-09, TB-02,...); một số nhà thầu đã ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng giai đoạn 1 nhưng chưa ký Phụ lục điều chỉnh giai đoạn 2,3 do nhà thầu chưa chấp thuận giá theo dự toán của Bộ Ngoại giao phê duyệt hoặc khối lượng công việc giai đoạn 2,3 nhỏ nên không muốn ký; một số nhà thầu chưa được nghiệm thu, thanh toán khối lượng phát sinh ở giai đoạn 1.

- Giá trị tạm ứng chưa thu hồi giai đoạn 1 của các gói nêu trên là 232,782 tỷ đồng từ 4 năm đến 12 năm, trong đó giá trị thiết bị, vật tư các nhà thầu nhập về cho cả dự án đã được nghiệm thu đầu vào chưa lắp đặt là 117,1 tỷ đồng⁴⁵ (tương đương 50,3% giá trị tạm ứng chưa thu hồi) có nguy cơ không sử dụng được. Theo báo cáo của nhà thầu có những thiết bị đã hết thời hạn bảo hành, nhiều thiết bị đã ngừng sản xuất hoặc không còn được hỗ trợ kỹ thuật, không còn linh kiện thay thế, dẫn đến nguy cơ không thể bảo trì nếu xảy ra hư hỏng; một số thiết bị, vật tư có dấu hiệu hư hỏng,...⁴⁶.

- Tổng giá trị vật tư nhà thầu đã nhập cho cả dự án hiện đang tồn kho, giá trị nhà thầu đã được nghiệm thu hoàn thành nhưng chưa được thanh toán và giá trị khối lượng phát sinh, nhà thầu đã thi công nhưng chưa được nghiệm thu, bàn giao khoảng 292,523 tỷ đồng, cụ thể:

- + Giá trị nghiệm thu hoàn thành chưa thanh toán cho các nhà thầu là 109,404 tỷ đồng (từ năm 2018);

- + Giá trị vật tư các nhà thầu nhập về cho cả dự án đã được nghiệm thu đầu vào (từ năm 2013-2016) chưa lắp đặt là 117,1 tỷ đồng.

- + Ngoài ra, theo báo cáo của các nhà thầu còn có khối lượng phát sinh, nhà thầu đã thi công hoàn thành từ năm 2016 nhưng chưa được nghiệm thu, bàn giao là 66,019 tỷ đồng⁴⁷.

Như vậy, nếu trừ đi giá trị tiền tạm ứng chưa thu hồi giai đoạn 1 của các gói thầu nêu trên là 232,782 tỷ đồng thì có nguy cơ nợ đọng vốn của nhà thầu là 59,741 tỷ đồng trong khoảng thời gian từ 7-9 năm.

⁴³ TMĐT, dự toán xây dựng công trình phải được dự tính theo đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. TMĐT là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.

⁴⁴ Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.

⁴⁵ Bảng tổng hợp Vật tư tồn kho các gói thầu giai đoạn 1 do Ban QLDA cung cấp.

⁴⁶ CV số 03/ABA/CV-2025 ngày 03/9/2025 của Công ty TNHH các giải pháp kinh doanh Á Châu, nhà thầu thi công các gói thầu XL-06, 07, 08, 09, 10, 12; CV số 89/2025/TECHGEL ngày 30/8/2025, nhà thầu thi công gói thầu TB-02; CV số 351/CV/SBD/2025 ngày 29/8/2025 của Công ty CP CN Sao Bắc Đẩu, nhà thầu thi công gói thầu TB-06.

⁴⁷ Tổng Công ty Thành An là 6,287 tỷ đồng (CV số 1505/BC-TCT ngày 04/9/2025); Công ty CP ĐPTT Thiên Ân là 1 tỷ đồng (CV số 18/2025/CV-TA ngày 31/8/2025); Công ty TNHH các GP KD Á Châu là 58,732 tỷ đồng (CV số 03/ABA/CV-2025 ngày 03/9/2025).

- Về việc phân kỳ dự án: ngày 17/7/2012, Bộ Ngoại giao có Văn bản số 1445/BNG-BQLDA-m gửi Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kèm theo Báo cáo điều chỉnh TMĐT tăng gấp đôi so với TMĐT đã được phê duyệt, tại Văn bản số 348/BKHĐT-TH ngày 23/8/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến *“Với mức đầu tư dự kiến điều chỉnh lên tới 6.947 tỷ đồng, gấp 2 lần so với quyết định đầu tư ban đầu là vượt quá khả năng cân đối NSNN”*.

Tại văn bản số 481/BTC-ĐT ngày 07/9/2012, Bộ Tài chính kiến nghị Bộ Ngoại giao nên đặt vấn đề để Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán TMĐT làm căn cứ để Bộ Ngoại giao phê duyệt theo thẩm quyền. Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao không tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, không thực hiện việc kiểm toán nhưng vẫn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh TMĐT.

Kết quả kiểm tra nêu trên cho thấy việc tính toán, thẩm tra và phê duyệt TMĐT có nhiều vi phạm, thiếu cơ sở khi đặt ra các công việc có tính chất đặc thù, đặc biệt để làm tăng TMĐT như đã nêu tại mục 2, dẫn đến phải phân kỳ đầu tư.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Vi phạm trong ký hợp đồng Tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án (TV hỗ trợ QLDA); Tư vấn nước ngoài giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (TVGS)

Bộ Ngoại giao phê duyệt dự án trong đó có 02 gói thầu tư vấn nước ngoài là TV hỗ trợ QLDA và TVGS; đã tổ chức chỉ định thầu và ký hợp đồng với 02 nhà thầu của Hàn Quốc: gói thầu TV hỗ trợ QLDA ký hợp đồng với Công ty Heerim; gói thầu TVGS ký hợp đồng với Công ty TNHH ITM.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Cả 02 gói thầu được Bộ Ngoại giao phê duyệt trong cơ cấu TMĐT của dự án (Quyết định số 1999/QĐ-BNG ngày 07/7/2009), trong đó: chi phí TV hỗ trợ QLDA là 75,792 tỷ đồng; TVGS là 126,320 tỷ đồng⁴⁸. Tuy nhiên, tại Tờ trình số 23A/TTr-BQLDA ngày 17/4/2009 của Ban QLDA và Báo cáo số 204/BC-BNG-QTTV ngày 19/6/2009 về việc thẩm định dự án đầu tư của Cục Quản trị-Tài vụ không nêu lý do cần thiết phải có TV hỗ trợ QLDA và TVGS nước ngoài, không đưa ra được căn cứ để chứng minh các nhà thầu trong nước không có khả năng thực hiện là vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, Điều 13 Luật Đấu thầu năm 2005⁴⁹; không chứng minh được về sự cần thiết của việc thuê tư vấn nước ngoài, vi phạm nguyên tắc thuê tư vấn nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 2⁵⁰ Quy chế theo Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- TV hỗ trợ QLDA: Bộ Ngoại giao đã thành lập Ban QLDA⁵¹ giúp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, *“Ban Quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc*

⁴⁸ Bảng 5: Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng công trình - TMĐT Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao do Công ty TV thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim của Hàn Quốc lập.

⁴⁹ c) Gói thầu mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc đã tổ chức đấu thầu trong nước nhưng không chọn được nhà thầu trúng thầu.

⁵⁰ Căn cứ yêu cầu chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn xây dựng, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng đề xuất việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng khi thấy cần thiết.

⁵¹ Quyết định số 1629/QĐ-TCCB ngày 05/7/2007.

mà Ban Quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện” nên phạm vi công việc của TV hỗ trợ QLDA phải nằm trong phạm vi công việc của Ban QLDA, chi phí thuê TV hỗ trợ QLDA phải nằm trong chi phí QLDA tính theo Định mức 1751 đã được phê duyệt (19,275 tỷ đồng). Tuy nhiên, Ban QLDA khi trình chủ trương đã đưa TV hỗ trợ QLDA thành một gói thầu tư vấn riêng nằm trong mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 75,792 tỷ đồng, (cao gấp 3,9 lần so với chi phí QLDA đã được phê duyệt); ngày 19/3/2010, Bộ Ngoại giao chỉ định thầu cho Công ty Heerim của Hàn Quốc theo Quyết định số 786/QĐ-BNG. Ban QLDA và Công ty Heerim đã ký Hợp đồng số 02/2010/HĐKT-BQLDA ngày 28/4/2010: Giá trị là 2.990.104 USD; thời gian thực hiện hợp đồng 40 tháng (Công ty Heerim ký hợp đồng thầu phụ với nhà thầu trong nước là Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng-CONINCO, giá trị VNĐ 320.000USD); phạm vi công việc của TV hỗ trợ QLDA theo Hợp đồng là hỗ trợ BQLDA trong suốt quá trình thực hiện dự án bao gồm giai đoạn chuẩn bị thi công, giai đoạn thi công, giai đoạn nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng⁵², vi phạm điểm c khoản 1, Điều 9⁵³ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và tiểu mục 3.1.5. Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Định mức 957)⁵⁴.

Theo Hợp đồng số 02/2010/HĐKT-BQLDA, Công ty Heerim thực hiện cả công tác lập HSYC, đánh giá HSDX (bao gồm cả công tác sơ tuyển). Đối với công tác này, theo quy định tại tiểu mục 3.1.6, Định mức 957⁵⁵, Ban QLDA được tính bổ sung chi phí thực hiện nếu thuê tư vấn. (*Chi tiết theo Phụ lục số 04*)

Chi phí tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX và chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX sơ tuyển nhà thầu nếu thuê tư vấn trong nước tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng, thiết bị được hướng dẫn tại Định mức 957 (Bảng số 17, điểm 3.7.1; Bảng số 18, điểm 3.7.2), tỷ lệ % tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX đối với phần xây lắp là 0,0258%, thiết bị là 0,0519%; chi phí sơ tuyển là 15% của chi phí tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX. Tổng các chi phí này tạm tính là 1,1 tỷ đồng.

Tổng chi phí QLDA tính theo Định mức 1751 đã được phê duyệt tại Quyết định 1999/QĐ-BNG là 19,275 tỷ đồng.

Ngày 11/12/2014, Công ty Heerim và Ban QLDA thanh lý VNĐ theo Biên bản số 02/2014/TLH: khối lượng công việc tính đến ngày 31/12/2013; giá trị thanh lý VNĐ: 1.555.691,65 USD (tương đương 33,653 tỷ đồng).

⁵² (1) *Giai đoạn chuẩn bị thi công*: kiểm tra bản vẽ thi công, biện pháp tổ chức thi công có phù hợp với thực tế không; lập tiến độ tổng thể của dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu của Dự án (dự kiến 44 gói, trừ các gói thầu do Tư vấn thiết kế chuẩn bị); tham gia quá trình đàm phán đề xuất kỹ thuật, tài chính và thương thảo VNĐ; lập KH dự án tổng thể, cập nhật hàng tháng nhằm phản ánh tiến độ thực hiện; chuyển giao kỹ năng quản lý dự án, quản lý VNĐ, đấu thầu cho cán bộ của BQLDA trong suốt quá trình. (2) *Giai đoạn thi công*: hỗ trợ CĐT trong quản lý dự án (tiến độ, chi phí xây dựng; phối hợp với TVGS quản lý về chất lượng, khối lượng, an toàn VSMT; quản lý thực hiện các VNĐ của các nhà thầu đã ký với CĐT; các công việc liên quan đến khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo). (3) *Giai đoạn nghiệm thu, bàn giao công trình*: góp ý về KH kiểm định, chạy thử, nghiệm thu; hỗ trợ CĐT trong giai đoạn nghiệm thu, bàn giao công trình (kiểm tra, kiểm nghiệm kết cấu, cơ khí và điện; kiểm tra hoàn thiện và vấn đề còn tồn đọng, hướng dẫn bảo dưỡng, HS thủ tục kết thúc DA); hỗ trợ CĐT hoàn thiện phần thể chế (cơ cấu bộ máy tổ chức) của quy trình vận hành công trình để bàn giao đưa vào sử dụng.

⁵³ Chi phí quản lý dự án bao gồm các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án. Chi phí quản lý dự án được xác định bằng định mức chi phí tỷ lệ hoặc lập dự toán.

⁵⁴ Chi phí thuê tư vấn quản lý dự án xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung, khối lượng công việc do chủ đầu tư thuê và các chế độ chính sách theo quy định. Chi phí thuê tư vấn quản lý dự án được xác định trong phạm vi mức chi phí quản lý dự án theo công bố tại Quyết định này.

⁵⁵ Trường hợp thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện thêm các công việc tư vấn như: thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, giám sát thi công và các công việc tư vấn khác thì được tính bổ sung chi phí thực hiện các công việc nói trên theo định mức công bố tại Quyết định này.

- TVGS: ngày 26/5/2010, Bộ Ngoại giao chỉ định Công ty TNHH ITM của Hàn Quốc là đơn vị thực hiện công tác TVGS theo Quyết định số 1533/QĐ-BNG-BQLDA; Ban QLDA và Công ty ITM đã ký Hợp đồng số 04/2010/HĐKT-BQLDA ngày 21/6/2010, giá trị: 3.520.587 USD (trong đó giá trị TV: 3.333.093 USD; giá trị bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của TV: 187.494 USD); thời gian thực hiện hợp đồng 40 tháng (Công ty ITM ký hợp đồng thầu phụ với nhà thầu trong nước là Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và Đô thị Việt Nam-VCC với giá trị 495.000USD).

Theo Hợp đồng số 04/2010/HĐKT-BQLDA, Công ty ITM thực hiện cả công việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công. *(Chi tiết theo Phụ lục số 04)*

Thời điểm ký Hợp đồng nêu trên, chi phí TVGS nếu thuê tư vấn trong nước tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng, thiết bị được hướng dẫn tại Định mức 957 (Bảng số 19, điểm 3.8.2; Bảng số 20, điểm 3.8.3), tỷ lệ % TVGS đối với phần xây lắp là 0,5437%, đối với phần thiết bị là 0,2207%. Chi phí thực hiện thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công nếu thuê tư vấn trong nước tính theo tỷ lệ % của chi phí xây lắp, thiết bị (Gxl+Gtb) theo Định mức 957 (Bảng số 15, điểm 3.5) tỷ lệ là $[0,0305\% * (Gxl+Gtb)] * 0,9 * 40\%$.

Tổng chi phí TVGS, chi phí thực hiện thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công nếu thuê tư vấn trong nước tạm tính theo Định mức 957 là: (13,27 tỷ đồng + 0,45 tỷ đồng) = 13,7 tỷ đồng.

Ngày 13/01/2015, hai bên thanh lý HĐ khối lượng công việc tính đến ngày 21/2/2014, giá trị quyết toán A-B: 2.727.892,34 USD (tương đương 60,422 tỷ đồng).

Do không chứng minh được sự cần thiết phải thuê tư vấn nước ngoài đối với 02 gói thầu TVGS thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, TV hỗ trợ QLDA; Bộ Ngoại giao chỉ gửi HSYC cho nhà thầu nước ngoài; nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng lại với nhà thầu trong nước nên việc ký hợp đồng với tư vấn nước ngoài nguy cơ gây thiệt hại NSNN. Tạm tính giá trị gây thiệt hại theo phương pháp: lấy giá trị quyết toán của gói thầu trừ đi các chi phí tư vấn được tính bổ sung ngoài chi phí quản lý dự án theo quy định tại Định mức 957:

- Đối với Tư vấn hỗ trợ QLDA: lấy giá trị quyết toán 33,6 tỷ đồng trừ đi chi phí tư vấn lập HSYC, đánh giá HSDX và chi phí lập HSYC, chi phí sơ tuyển nếu thuê tư vấn trong nước là 1,1 tỷ đồng: (33,6 tỷ đồng - 1,1 tỷ đồng) = 32,5 tỷ đồng. Chi phí này nếu cần thuê nước ngoài thì phải lấy trong tổng chi phí quản lý dự án đã được tính toán trong TMDT theo Định mức 1751 (tháng 7/2009) là 19,275 tỷ đồng.

- Đối với chi phí TVGS: lấy giá trị quyết toán 60,4 tỷ đồng trừ đi chi phí TVGS và chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công nếu thuê tư vấn trong nước theo Định mức 957 là 13,7 tỷ đồng: (60,4 tỷ đồng - 13,7 tỷ đồng) = 46,7 tỷ đồng.

Tổng cộng giá trị gây thiệt hại NSNN (tạm tính) là 79,2 tỷ đồng *(Chi tiết tại Phụ lục số 05)*.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Việc thực hiện các gói thầu XL-05, XL-08, XL-10, XL-14, TB-02, TB-04, TB-07, TB-09, TB-10 (03 giai đoạn), TB-12 (03 giai đoạn), TB-13⁵⁶

(Chi tiết các gói thầu tại các Phụ lục từ số 06 đến số 15; đối với các gói thầu TB - 07 chỉ xem xét về giá thanh toán thiết bị theo Phụ lục số 16).

5.1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt HSYC

HSYC của các gói thầu do Công ty Heerim lập, được Cục Quản trị-Tài vụ thẩm định và Bộ Ngoại giao phê duyệt.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Bộ Ngoại giao phê duyệt HSYC đối với một số gói thầu⁵⁷ trước khi phê duyệt dự toán gói thầu nên HSYC được lập trên cơ sở giá gói thầu tạm tính trong các quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu (*thấp hơn giá gói thầu dự toán được phê duyệt*), yêu cầu về năng lực tài chính đối với nhà thầu không đảm bảo để thực hiện gói thầu. HSYC một số gói thầu⁵⁸ phần yêu cầu về tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đối với *trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình năm của các thành viên*, không đúng quy định tại Mục 13 Mẫu Hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 05/2010/TT-BKHĐT ngày 10/02/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư⁵⁹ (phải tính theo doanh thu tương ứng với phần việc được phân công trong liên danh); Nội dung thỏa thuận liên danh không đúng với nội dung trong Mẫu 03 theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHĐT có dấu hiệu cố ý đưa những tiêu chí có lợi cho nhà thầu được chỉ định, dẫn đến việc lựa chọn nhà thầu không đủ năng lực thực hiện, gây nhiều hậu quả nêu tại mục 5.2 dưới đây, cụ thể:

- Gói thầu TB-02 (Hợp đồng số 17/2012/HĐKT-BQLDA ngày 30/01/2013): giá gói thầu theo Kế hoạch đấu thầu là 28,185 tỷ đồng; giá gói thầu theo dự toán được phê duyệt là 677,865 tỷ đồng, giá trị hợp đồng ký với Liên danh Công ty Cổ phần kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Tegel và Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam là 545.204 tỷ đồng. Giá trị thanh toán theo hợp đồng cho nhà thầu có chênh lệch cao hơn nhiều lần so với giá trị hàng hoá nhập khẩu được nêu tại mục 5.2 dưới đây.

- Gói thầu TB-09 (Hợp đồng số 03/2013/HĐKT-BQLDA ngày 26/02/2013): giá gói thầu theo Kế hoạch đấu thầu⁶⁰ là 335,942 tỷ đồng; giá gói thầu theo dự toán được phê duyệt là 614,444 tỷ đồng⁶¹, giá trị hợp đồng ký với Liên danh Công ty cổ phần thiết bị kỹ thuật và chuyển giao công nghệ-Temex (Temex) và Tổng Công ty cơ khí xây dựng-Công ty TNHH MTV (Coma) là 568,514 tỷ đồng. Sau khi phê duyệt dự toán, Bộ Ngoại giao không điều chỉnh các tiêu chí về năng lực tài chính cho phù hợp với dự toán gói thầu được phê duyệt. Theo HSYC doanh thu

⁵⁶ XL-05 Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị hầm thoát hiểm; XL-08 Thi công xây thô, hoàn thiện phần thân khối nhà A và sân đổ trực thăng; XL-10 Thi công xây thô, hoàn thiện phần thân khối nhà B trái; XL-14 Thi công xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; TB-02 Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện cho công trình; TB-04 Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp thoát nước trong nhà cho công trình; TB-07 Cung cấp, lắp đặt hệ thống thang máy cho công trình; TB-09 Cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa không khí - thông gió cho công trình; TB-10 Cung cấp, lắp đặt thiết bị PCCC- Hệ thống báo cháy cho công trình; TB-12 Cung cấp và lắp đặt TB hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh iBMS và hệ thống an ninh cho công trình; TB-13 Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cho công trình.

⁵⁷ Gói thầu XL-08, XL-10, XL-14, TB-02, TB-04, TB-06, TB-09, TB-13.

⁵⁸ Gói thầu TB02, TB-09.

⁵⁹ Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMT cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

⁶⁰ Quyết định số 330/QĐ-BNG-m ngày 01/3/2012.

⁶¹ Quyết định số 2277/QĐ-BNG ngày 06/6/2012.

trung bình hàng năm trong 03 năm 2009, 2010, 2011, tối thiểu mỗi năm đạt 400 tỷ đồng là không đảm bảo nguồn tài chính để thực hiện gói thầu; trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình năm của các thành viên, không xác định doanh thu theo tỷ lệ công việc của các thành viên trong liên danh. Theo HSĐX: doanh thu của Temex năm 2009 đạt 160,423 tỷ đồng, năm 2010 đạt 220,884 tỷ đồng, năm 2011 đạt 261,498 tỷ đồng; doanh thu của Coma năm 2009 đạt 1.576,701 tỷ đồng, năm 2010 đạt 1.424,711 tỷ đồng, năm 2011 đạt 1.467,673 tỷ đồng. Doanh thu của Coma lớn hơn rất nhiều so với Temex (gấp khoảng 6,95 lần) nhưng theo HSĐX, Temex thực hiện phần lớn công việc của gói thầu khoảng 91,4% giá trị HĐ, Coma chỉ chiếm 18,6% giá trị HĐ, cho thấy nhà thầu Temex mượn năng lực của Coma để đáp ứng HSYC. Căn cứ HSYC có vi phạm nêu trên, TV đánh giá HSĐX (Công ty Heerim - nhóm TV hỗ trợ QLDA) vẫn đánh giá “đạt” và Liên danh được chỉ định thầu để thực hiện gói thầu TB-09 dẫn đến nhiều hậu quả: trong quá trình thực hiện HĐ, Temex phải thuê nhà thầu phụ, chuyển bớt phần công việc cho thành viên khác trong liên danh, đến tháng 01/2018 xin chấm dứt HĐ làm phát sinh tranh chấp HĐ đến thời điểm thanh tra vẫn chưa được giải quyết, ảnh hưởng đến nhiều gói thầu khác như đã nêu tại mục 3 và mục 5.2 dưới đây.

5.2. Lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán gói thầu

Dự toán gói thầu do Công ty Heerim và tư vấn phụ Công ty CDC lập, Viện KTXD thực hiện thẩm tra, Ban QLDA trình và Bộ Ngoại giao phê duyệt sau khi Cục Quản trị-Tài vụ có báo cáo kiểm tra. Các thiết bị cơ bản đã được thẩm định giá bởi Công ty TNHH thẩm định giá Vinacontrol (nay là Công ty Cổ phần Thẩm định giá VN Control).

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Do thời gian thanh tra có hạn và việc cung cấp hồ sơ không đầy đủ, không chính xác, nên Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra xác suất giá một số thiết bị nhập khẩu của 05 gói thầu: TB 02, TB-04, TB-07, TB-09, TB-12. Kiểm tra chứng từ nhập khẩu cho thấy giá trị dự toán được sử dụng để chỉ định thầu, ký hợp đồng cao hơn nhiều lần giá thiết bị nhập khẩu sau thuế (từ khoảng 2 lần đến 13 lần) có nguy cơ gây thiệt hại NSNN (*Chi tiết theo Phụ lục số 16*). Cụ thể:

- *Gói thầu TB-02*: giá của 15 loại đèn trang trí, bộ tủ điện và máy biến áp trong hợp đồng sau khi thẩm định giá (50,924 tỷ đồng) cao hơn nhiều (từ 1,79 lần đến 2,16 lần) so với giá thiết bị nhập khẩu sau thuế theo các Tờ khai hải quan do nhà thầu cung cấp (26,770 tỷ đồng), dẫn tới chênh lệch số tiền 24,153 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN.

- *Gói thầu TB-04*: nhà thầu Công ty CP Đầu tư XD và TM Việt Nam-Constrexim Holdings không cung cấp đầy đủ các chứng từ nhập khẩu hàng hoá (máy bơm, bể nước mái, các thiết bị bếp) chỉ cung cấp Tờ khai hải quan của 14 máy bơm nhưng đều bị xóa giá. Trên cơ sở dữ liệu do Cục Hải quan, Bộ Tài chính cung cấp theo Công văn số 21582/CHQ-CNTT ngày 04/9/2025 cho thấy giá của 14 máy bơm trong hợp đồng (8,068 tỷ đồng) cao hơn nhiều (4,4 lần đến 6,9 lần) so với giá thiết bị nhập khẩu sau thuế (1,469 tỷ đồng) dẫn tới chênh lệch số tiền 6,599 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN.

- *Gói thầu TB-07*: giá của 07 thang máy trong hợp đồng (37,430 tỷ đồng) cao hơn nhiều (2,11 lần đến 2,86 lần) so với giá thiết bị nhập khẩu sau thuế theo các Tờ khai hải quan do nhà thầu cung cấp (15,022 tỷ đồng), dẫn tới chênh lệch số tiền 22,407 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN.

- *Gói thầu TB-09*: giá của 03 chiller-máy làm lạnh dùng cho điều hoà không khí trung tâm giải nhiệt nước trong hợp đồng (40,826 tỷ đồng) cao hơn nhiều (2,24 lần) so với giá thiết bị nhập khẩu sau thuế theo các Tờ khai hải quan do nhà thầu cung cấp (18,204 tỷ đồng) dẫn tới chênh lệch số tiền 22,622 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN.

- *Gói thầu TB-12*: nhà thầu Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thăng Long cung cấp Tờ khai hải quan của các thiết bị quản lý mạng, phần mềm kiểm soát, camera, thiết bị chuyên mạch, máy chủ nhưng đều bị xóa giá. Trên cơ sở dữ liệu do Cục Hải quan, Bộ Tài chính cung cấp theo Công văn số 21582/CHQ-CNTT ngày 04/9/2025 cho thấy giá của 23 mã thiết bị trong hợp đồng (46,497 tỷ đồng) cao hơn nhiều (từ 2,05 lần đến 13,23 lần) so với giá nhập thiết bị khẩu sau thuế (13,413 tỷ đồng) dẫn tới chênh lệch số tiền 33,085 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN.

Công ty CDC là nhà thầu phụ của Công ty Heerim, thực hiện nhiệm vụ lập dự toán cho các gói thầu không cung cấp được các tài liệu làm cơ sở lập dự toán và Viện KTXD là đơn vị thẩm tra dự toán các gói thầu cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh cơ sở thẩm tra.

Công ty Cổ phần Thẩm định giá VN Control là đơn vị thực hiện thẩm định giá các gói thầu thuộc giai đoạn 1 của Dự án, Công ty giải trình cơ sở thẩm định giá qua việc khảo sát giá trên thị trường. Tuy nhiên, theo báo cáo của Công ty Thẩm định giá VN Control quy định của Luật Giá, hồ sơ thẩm định giá chỉ lưu 10 năm, các hồ sơ liên quan đến các gói thầu thuộc Dự án xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao phần lớn đã trên 10 năm, Công ty đã thực hiện huỷ theo quy định.

Như vậy, việc lập, thẩm tra và phê duyệt dự toán của các gói thầu không có căn cứ, không phù hợp với giá thị trường vi phạm các quy định về tiêu chuẩn thẩm định giá ban hành theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính; vi phạm điểm b khoản 1, Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP⁶². Kiểm tra 05 gói thầu (TB-02, TB-04, TB-07, TB-09, TB-12), trong đó: Tổng giá trị thiết bị của các hợp đồng là 766,605 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thiết bị được kiểm tra là 183,747 tỷ đồng (chênh lệch đơn giá lớn từ khoảng 2 lần đến 13 lần), giá trị chênh lệch tạm tính giữa giá trị hợp đồng và giá trị nhập khẩu là 108,866 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN.

5.3. Việc tổ chức chỉ định thầu

Các gói thầu này đều thực hiện chỉ định thầu theo Văn bản số 35/TTg-KTN ngày 03/9/2009 nhằm rút ngắn thời gian thực hiện nhanh chóng đưa công trình vào sử dụng, đáp ứng tiến độ xây dựng Nhà Quốc hội.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

⁶² Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình.

Thời gian hoàn tất thủ tục chỉ định thầu đối với một số gói thầu (XL-05, XL-08, XL-10, XL-14, TB-02, TB-04, TB-09, TB-10 giai đoạn 1, TB-12 giai đoạn 1, TB-13) từ 105 ngày đến 627 ngày, vượt quá thời gian theo quy định tại điểm đ khoản 3, Điều 40 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP; khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg ngày 09/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (Không quá 45 ngày, trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày). Thời gian chậm chỉ định thầu của các gói thầu (nếu tính thời gian chỉ định thầu tối đa là 90 ngày) thì chậm từ 15 ngày đến 537 ngày (*chi tiết thời gian chậm chỉ định thầu đã nêu tại các Phụ lục kết quả kiểm tra, xác minh từng gói thầu*).

Tại Tờ trình số 991/TTr-BNG-QLDA-m ngày 03/8/2009, Bộ Ngoại giao đề xuất được thực hiện chỉ định thầu với hầu hết các gói thầu của Dự án nhằm rút ngắn thời gian thực hiện, nhanh chóng đưa công trình vào sử dụng, đáp ứng tiến độ xây dựng Nhà Quốc hội. Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận cho Bộ Ngoại giao được chỉ định thầu 42 gói thầu (13 gói thầu tư vấn, 13 gói thầu xây lắp, 16 gói thầu thiết bị) và yêu cầu Bộ Ngoại giao chỉ đạo thực hiện chỉ định thầu theo đúng quy định, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình tại Văn bản số 35/TTg-KTN ngày 03/9/2009.

Như vậy, thời gian hoàn thành việc chỉ định thầu đối với một số gói thầu là vi phạm quy định về thời gian chỉ định thầu, làm chậm tiến độ của các gói thầu, không đạt được mục đích cho phép chỉ định thầu để đảm bảo tiến độ dự án, gây lãng phí NSNN.

5.4. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng của các gói thầu đều quá thời gian được quy định tại Hợp đồng ban đầu (từ khoảng 1.500 ngày đến khoảng 4.000 ngày). Tất cả các hợp đồng đều phải gia hạn thời gian thực hiện theo tiến độ thực hiện của Dự án. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng có nhiều thiếu sót, vi phạm.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

- Khi tiến hành gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng, Ban QLDA không tiến hành rà soát, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng; đồng thời chưa tiến hành xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra, vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP (gói thầu XL-08, TB-13).

- Ban QLDA ký một số Phụ lục hợp đồng (PLHĐ) gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khi chưa có văn bản cho phép của Bộ Ngoại giao, vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, Điều 143 Luật Xây dựng năm 2014 (gói thầu XL-08, TB-04, TB-12 giai đoạn 1).

- Bộ Ngoại giao ban hành Quyết định gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng sau khi hết hạn thời hạn thực hiện hợp đồng (XL-08); Ban QLDA và các nhà thầu ký Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng khi đã hết thời gian thực hiện hợp đồng, không đúng quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 36 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, khoản 1, Điều 143 Luật Xây dựng năm 2014 (gói thầu XL-08 TB-04, TB-12 giai đoạn 1, TB-10 giai đoạn 1).

- Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng với lý do không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP (gói thầu XL-08, TB-04, TB-13).

Trách nhiệm để xảy ra những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Về nguy cơ gây lãng phí trong triển khai thực hiện Dự án

Theo Quyết định số 1999/QĐ-BNG ngày 07/7/2009, việc triển khai thực hiện Dự án đã bị chậm hơn 10 năm, qua 04 lần điều chỉnh (thời gian hoàn thành đến năm 2025), không đạt được mục tiêu đã đề ra. Quá trình thực hiện Dự án đã có nhiều vi phạm các quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong hầu hết các khâu, Dự án chậm tiến độ hơn 10 năm, hiện nay vẫn chưa hoàn thành có nguy cơ gây lãng phí NSNN ở một số nội dung.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

6.1. Dự án chậm tiến độ, dừng thi công làm phát sinh chi phí

Sau khi điều chỉnh TMĐT, Dự án được chia thành 03 giai đoạn, sau khi hoàn thành giai đoạn 1, từ tháng 1/2018 đến tháng 01/2020, Dự án dừng thi công chỉ thực hiện các thủ tục tạm đưa toà B trái vào sử dụng; lập, phê duyệt TMĐT giai đoạn 2 và đàm phán ký hợp đồng với các nhà thầu để ký phụ lục hợp đồng giai đoạn 2. Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao, từ tháng 5/2020-2021 dừng thi công do ảnh hưởng của dịch Covid-19; từ tháng 1/2022 bắt đầu triển khai giai đoạn 3 nhưng thi công cầm chừng; từ tháng 01/2024 đến nay Dự án dừng thi công. Theo báo cáo của một số nhà thầu, nhiều hạng mục nhà thầu đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu phải phát sinh chi phí sửa chữa, khắc phục trước khi nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; chi phí cho công tác bảo hành đối với các hệ thống thiết bị đã vượt quá thời hạn bảo hành và các chi phí khác như chi phí quản lý, chi phí bảo lãnh ngân hàng⁶³,...*(Chi tiết theo Phụ lục số 17)*

Những phần công việc đã được nghiệm thu (toà A, toà B (phải) đã hoàn thành phần xây thô, hoàn thiện mặt ngoài, các hạng mục khác phục vụ cho cả Dự án và các chi phí tư vấn, chi khác, chi QLDA giai đoạn 2,3) từ năm 2017 với tổng giá trị phần xây lắp và thiết bị là 1.666,5 tỷ đồng, đến nay đã gần 09 năm nhưng chưa hoàn thành công trình để bàn giao, đưa vào sử dụng có nguy cơ gây lãng phí nguồn vốn NSNN đã đầu tư cho toà A và toà B (phải) và các hạng mục dùng chung. *(Chi tiết theo Phụ lục số 18)*

6.2. Nguồn vốn được cấp nhưng không sử dụng hết

Giai đoạn 2008-2024, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách trung ương cho Dự án. Vốn để thực hiện Dự án thuộc nguồn vốn chi đầu tư phát triển trong chi NSNN theo quy định tại khoản 1, Điều 31 Luật NSNN năm 2002 và khoản 2, Điều 5 Luật NSNN năm 2015. Trong khi đó, giai đoạn 2009-2024, Dự án không sử dụng hết vốn được bố trí (vốn NSNN được cấp nhưng không sử dụng hết: năm 2009 là 40,651 tỷ đồng; năm 2015 là 36,589 tỷ đồng; năm 2016 là 92,54 tỷ đồng; năm 2018 là 218,259 tỷ đồng; năm 2019 là 173,897

⁶³ Tính đến thời điểm 01/7/2025 với tổng số tiền tạm tính khoảng 12,746 tỷ đồng⁶³.

tỷ đồng; năm 2020 là 30,729 tỷ đồng; năm 2021 là 0,99 tỷ đồng; năm 2022 là 329,842 tỷ đồng (năm 2021, 2022, Ban QLDA báo cáo do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên ảnh hưởng đến việc giải ngân); năm 2023 là 294,771 tỷ đồng; năm 2024 là 4,553 tỷ đồng), không đạt được các mục tiêu đã đề ra có nguy cơ gây lãng phí theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2013⁶⁴. (Chi tiết tại Phụ lục số 19)

6.3. Việc chưa trích hao mòn tài sản cố định

Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính, tài sản cố định tại của cơ quan, tổ chức, đơn vị không tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tính hao mòn tài sản. Ngày 02/01/2018, Ban QLDA đã bàn giao tạm diện tích, các hạng mục đã hoàn thành ở giai đoạn 1 của Dự án trụ sở Bộ Ngoại giao (tòa B trái) cho Cục Quản trị-Tài vụ, Bộ Ngoại giao để đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, từ khi đưa (tòa B trái) vào sử dụng đến nay, Bộ Ngoại giao chưa tính hao mòn tài sản cố định. Việc tính hao mòn tài sản cố định đối với (tòa B trái) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7; điểm b khoản 2, Điều 8 Thông tư số 162/2014/TT-BTC⁶⁵. Giá trị tạm tính của (tòa B trái) theo giá trị nghiệm thu A-B (các gói thầu thiết bị và xây lắp) là 1.622,878 tỷ đồng; giá trị hao mòn tạm tính từ năm 2018 đến hết năm 2024 (7 năm) là 142,001 tỷ đồng (còn gói thầu Thi công hạng mục cảnh quan ngoài nhà (XL-15) thực tế đã đưa vào sử dụng nhưng chưa tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, giá trị nghiệm thu A-B là 35,860 tỷ đồng nên cũng chưa được tính hao mòn). (Chi tiết tại Phụ lục số 20)

6.4. Việc sử dụng chi phí quản lý dự án

Trong các năm 2010, 2012, 2013, 2014, Ban QLDA thực hiện thanh quyết toán 08 đoàn ra (Hàn Quốc, Nhật Bản, Ô-xtrâyli-a, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hungari) từ chi phí quản lý dự án để thực hiện các công việc: kiểm tra mẫu vật liệu; kiểm tra các đơn vị cung cấp vật tư nhập khẩu do các nhà thầu XL-08, XL-09, XL-10 đề xuất; kiểm tra, nghiệm thu vật tư, thiết bị thuộc các gói thầu TB-02, TB-04, TB-06, XL-05, XL-06, XL-07; tham quan và học hỏi kinh nghiệm xây dựng và quản lý Trung tâm dữ liệu của Bộ Ngoại giao (Ô-xtrâyli-a). Tuy nhiên, các đoàn công tác có cả các cán bộ, công chức không thực hiện công tác QLDA, vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí QLDA theo quy định tại khoản 1, Điều 3⁶⁶ Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính. Tổng số tiền chi không đúng đối tượng là 0,738 tỷ đồng. (Chi tiết tại Phụ lục số 21).

Trách nhiệm để xảy ra tình trạng Dự án chậm tiến độ, hiện nay vẫn chưa hoàn thành có nguy cơ gây lãng phí NSNN ở một số nội dung nêu trên thuộc về

⁶⁴ Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng NSNN, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

⁶⁵ - Khoản 1 Điều 7: Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.”;

- Điểm b khoản 2 Điều 8: Nguyên giá của tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hiện hành: (1) Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện ghi sổ và hạch toán kế toán tài sản cố định kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ hạch toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau: Giá trị đề nghị quyết toán; Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; Giá trị dự toán Dự án đã được phê duyệt. (2) Khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, đơn vị thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được duyệt.”

⁶⁶ Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án trong suốt quá trình...

Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, phụ trách Cục Quản trị Tài vụ, Ban QLDA và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ.

III. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Trụ sở Bộ Ngoại giao được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình tại Văn bản số 1581/TTg-CN ngày 22/10/2007 với mục tiêu xây dựng “*Công trình trụ sở mới của Bộ Ngoại giao là một công trình xây dựng kiên cố, công năng hiện đại, tiện dụng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và mang bản sắc văn hóa dân tộc, xứng đáng là trụ sở của Cơ quan đầu não về đối ngoại của Việt Nam xứng tầm với khu vực Đông Nam Á. Trụ sở của Bộ Ngoại giao là công trình tầm cỡ quốc gia, là điểm nhấn kiến trúc của Thủ đô Hà Nội và không quá xa trung tâm chính trị Ba Đình cũng như các Bộ, ngành khác. Đáp ứng nhu cầu làm việc và tập trung đơn vị trực thuộc về một nơi*”.

Sau khi được phê duyệt, Bộ Ngoại giao đã khẩn trương tập trung triển khai thực hiện Dự án. Tuy nhiên, quá trình triển khai Dự án đã có nhiều thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm, trong đó chủ yếu là xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan, dẫn đến Dự án bị chậm tiến độ đến nay vẫn chưa hoàn thành toàn bộ công trình, không đạt được mục tiêu đề ra, gây lãng phí, nguy cơ thiệt hại NSNN.

Do Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán 07 đợt (đến tháng 01/2019 với giá trị đã được kiểm toán 3.853,419 tỷ đồng/giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành là 3.988,947 tỷ đồng/Giá trị đã giải ngân là 4.294,911 tỷ đồng) nên Thanh tra Chính phủ chỉ tập trung kiểm tra, xác minh một số nội dung và phát hiện một số vi phạm chủ yếu sau:

1.1. Về thi tuyển phương án kiến trúc

Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc thống nhất thay đổi mức điểm tối thiểu từ 70 điểm xuống 60 điểm để đưa thêm phương án đã bị loại (trong đó có phương án của Công ty Heerim của Hàn Quốc chỉ đạt 68,3 điểm) tại bước đánh giá chi tiết vào bỏ phiếu để xếp loại giải thưởng, vi phạm Điều 4 Quy chế làm việc của Hội đồng⁶⁷. Trong khi Công ty GMP International AmbH-Inros Lacker của Đức được chấm điểm cao nhất (78,2 điểm).

Ban Tổ chức cuộc thi trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt phương án đạt giải B (phương án của Công ty Heerim của Hàn Quốc) do hạ điểm trái Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn trái chức năng, nhiệm vụ của Ban tổ chức cuộc thi do Bộ Ngoại giao quy định, vi phạm Điều 2 Quyết định phê duyệt hình thức thi tuyển, thành lập Ban Tổ chức cuộc thi⁶⁸.

Lãnh đạo Bộ Ngoại giao căn cứ vào các tiêu chí không có trong quy định (khái toán TMĐT của các phương án dự thi và ý kiến của cán bộ, công chức) để quyết định việc lựa chọn phương án đạt giải B của Công ty Heerim của Hàn Quốc làm căn cứ để lựa chọn nhà thầu tư vấn không đủ năng lực thực hiện, có nhiều vi phạm ở giai đoạn sau, gây thiệt hại và lãng phí NSNN.

⁶⁷ Quy chế làm việc ngày 23/5/2008 của Hội đồng tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình Trụ sở Bộ Ngoại giao không quy định các trường hợp được hạ điểm.

⁶⁸ Quyết định số 3030/2007/QĐ-BNG ngày 06/12/2007, nhiệm vụ của Ban Tổ chức chỉ bao gồm: Xây dựng KH, quy chế thi tuyển; HD các tổ chức TV thiết kế đăng ký dự thi; Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan và kế hoạch thi tuyển cho các tổ chức TC được chọn dự thi; Phổ biến các quy định về hồ sơ dự thi; Giúp việc cho HĐ xét chọn các phương án dự thi cho đến khi công bố kết quả thi tuyển.

Trách nhiệm về những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc Lãnh đạo Bộ Ngoại giao, Ban QLDA, Hội đồng tuyển chọn, Ban Tổ chức cuộc thi và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

1.2. Về lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán công trình

- Ban QLDA xây dựng chi phí lập dự án đầu tư, Viện KTXD thẩm tra, Bộ Ngoại giao phê duyệt chi phí lập dự án ở mức cao ngang với thuê tư vấn nước ngoài mặc dù tại thời điểm này chưa thi tuyển kiến trúc và chưa xác định được tư vấn nước ngoài hay trong nước. Giá trị tư vấn lập dự án đầu tư được Bộ Ngoại giao phê duyệt là 78 tỷ đồng, cao gấp 14,9 lần so với Định mức 1751 thuê tư vấn trong nước.

- Ban QLDA trình, Viện KTXD thẩm tra và Bộ Ngoại giao đã phê duyệt dự toán chi phí lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán là 139,425 tỷ đồng (gồm 42,9 tỷ đồng chi phí lập dự án (lập thiết kế cơ sở + thuyết minh + TMĐT), 96,525 tỷ đồng là chi phí thiết kế (thiết kế kỹ thuật + thiết kế bản vẽ thi công + lập tổng dự toán) là không đúng với chính tài liệu tính toán chi phí theo thông lệ quốc tế cho tư vấn nước ngoài được Viện KTXD căn cứ để thẩm tra⁶⁹. Giá trị tư vấn cho tất cả các công việc của hai giai đoạn tư vấn (sơ bộ và chi tiết) theo dự toán là 96,525 tỷ đồng (tương đương với 46,42USD/m²). Thực tế Ban QLDA đã ký hợp đồng cho toàn bộ công việc tư vấn (không tách bạch giữa 2 giai đoạn) với nhà thầu tư vấn là 7.224.098 USD, tương đương 119,197 tỷ đồng, tức là đã bao gồm số chi phí tư vấn tính trùng cho giai đoạn 1 (lập dự án) là 42,9 tỷ đồng.

- Bộ Ngoại giao không tổ chức thẩm định lại dự toán, không xem xét, đối chiếu với giá trị các hợp đồng tương tự mà Công ty Heerim đã thực hiện tại Việt Nam để đàm phán giảm giá gói thầu phù hợp với các dự án tương tự, vi phạm quy định khoản 2, Điều 2 Quy chế theo Quyết định số 131/QĐ-2007/QĐ-TTg ngày 09/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ⁷⁰; điểm a tiểu mục 1.2⁷¹ và tiểu mục 2.2⁷² Phần II Thông tư số 09/2007/TT-BXD ngày 02/11/2007. Giá trị hợp đồng tương tự như Công ty Heerim đã thực hiện tại Việt Nam là 20,4 USD/m²; trong khi Hợp đồng giữa Công ty Heerim và Ban QLDA là 57,3 USD/m² có nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN.

- Ban QLDA không đàm phán và ký hợp đồng trọn gói đối với chi phí giám sát tác giả, làm phát sinh thêm 6,035 tỷ đồng, vi phạm Kế hoạch đấu thầu đã được Bộ Ngoại giao phê duyệt⁷³ và quy định về hình thức hợp đồng theo Điều 48, 49 và Điều 51 Luật Đấu thầu năm 2005⁷⁴.

- Việc lập, thẩm định TMĐT điều chỉnh lên 6.988 tỷ đồng có nhiều nội dung thiếu căn cứ đặc biệt giá trị khối lượng phát sinh do tính chất đặc thù của công trình 1.584,8 tỷ đồng, chưa có tài liệu chứng minh và Ban QLDA không giải trình được cơ sở lập giá trị tăng do tính chất đặc thù này.

⁶⁹ Tài liệu nước ngoài ("CostWorks 2007" do hãng RMMeans - Hoa Kỳ và Handbook for Users of Consulting Service - ADB); Biên bản làm việc với Viện KTXD số 160/BB-QĐ672 ngày 09/9/2025.

⁷⁰ Việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng phải bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, tiết kiệm chi phí và hiệu quả;

⁷¹ chi phí của loại công việc tư vấn của các dự án đầu tư xây dựng công trình tương tự do tư vấn nước ngoài đã thực hiện.

⁷² Trường hợp tư vấn nước ngoài đề xuất chi phí thực hiện dịch vụ tư vấn theo dự toán tháng-người, chủ đầu tư tổ chức thẩm định dự toán này để trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

⁷³ Quyết định 2866/QĐ-BNG-BQLDA ngày 05/11/2008.

⁷⁴ Luật Đấu thầu năm 2005 chỉ quy định các hình thức HĐ: trọn gói, theo đơn giá, theo thời gian và theo tỷ lệ phần trăm.

Việc lập TMĐT ban đầu 3.484 tỷ (suất đầu tư 27,65trđ/m²) đã cao hơn 3,55 lần suất đầu tư do Bộ Xây dựng công bố (7,78 trđ/m²) nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với giá trị trình điều chỉnh năm 2013 (55,46 trđ/m²) có dấu hiệu cố ý lập TMĐT ở mức thấp để được phê duyệt Dự án, sau khi được phê duyệt sẽ trình xin điều chỉnh tăng là vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007⁷⁵. Việc điều chỉnh tăng TMĐT Dự án có nhiều nội dung không có căn cứ, có nguy cơ gây thiệt hại NSNN được nêu tại các mục 3, 4, 5, 6 Phần II của Kết luận này.

- Từ việc lựa chọn phương án kiến trúc có vi phạm như đã nêu ở mục 1.1 Phần III, Bộ Ngoại giao chấp thuận để Công ty Heerim và thầu phụ Công ty CID lập TMĐT của dự án. Quá trình thực hiện cho thấy Công ty Heerim, Công ty CID có năng lực thấp.

Tại báo cáo của Công ty Heerim về năng lực Công ty CID chưa từng thực hiện dự án nhóm A và dự án tương tự Công trình trụ sở Bộ Ngoại giao. Quá trình thực hiện hợp đồng cho thấy Công ty Heerim và Công ty CID không phù hợp tư vấn đối với quy mô, tính chất của công trình đặc biệt này; sau khi dự án được phê duyệt lần đầu Công ty Heerim đã chấm dứt hợp đồng thầu phụ với Công ty CID do không đảm bảo năng lực để thực hiện các công việc tiếp theo.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, Công ty Heerim, Công ty CID, Viện KTXD và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Việc phê duyệt dự toán và ký hợp đồng các gói thầu vượt TMĐT

Từ tháng 9/2009 đến tháng 02/2014, Bộ Ngoại giao thực hiện phê duyệt thiết kế thi công, phê duyệt dự toán từng gói thầu song song với việc tổ chức chỉ định thầu và ký hợp đồng, triển khai thi công chỉ riêng các gói thầu xây lắp, thiết bị đã vượt TMĐT của dự án (tổng giá trị dự toán của 20 gói thầu được phê duyệt: 5.041,835 tỷ đồng; tổng giá trị của 20 hợp đồng đã ký là: 4.388,471 tỷ đồng, vượt 904,456 tỷ đồng so với TMĐT (3.484 tỷ đồng) được phê duyệt), vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP⁷⁶; vi phạm điều cấm trong đấu thầu theo quy định tại khoản 17, Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2005⁷⁷ đồng thời trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1866/TTg-KTN ngày 03/11/2008, dẫn đến việc phải trình điều chỉnh tăng TMĐT của dự án (từ tháng 7/2012, TMĐT trình điều chỉnh lên 6.946,897 tỷ đồng), NSNN không thể bố trí được nguồn vốn nên phải phân kỳ đầu tư làm phát sinh nhiều vướng mắc, chậm tiến độ của dự án, có nguy cơ gây thiệt hại, lãng phí cho NSNN và nợ đọng vốn của một số nhà thầu đã ký hợp đồng cho cả dự án (XL-06, XL-08, XL-09, XL-10, XL-14, TB-02, TB-04, TB-09) như đã nêu tại mục 3 phần Kết quả kiểm tra, xác minh.

⁷⁵ TMĐT, dự toán xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình.

⁷⁶ TMĐT, dự toán xây dựng công trình phải được dự tính theo đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. TMĐT là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.

⁷⁷ Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.

Trách nhiệm để xảy ra thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, Viện KTXD và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.4. Về thuê tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án; Tư vấn nước ngoài giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị

- Việc trình, phê duyệt chủ trương thuê tư vấn nước ngoài khi không đủ căn cứ để khẳng định nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng, vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, Điều 13⁷⁸ Luật Đấu thầu năm 2005; không chứng minh được sự cần thiết của việc thuê tư vấn nước ngoài, vi phạm nguyên tắc thuê tư vấn nước ngoài quy định tại khoản 1, Điều 2⁷⁹ Quy chế theo Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg.

- Việc ký hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài với phạm vi công việc của tư vấn là hỗ trợ Ban QLDA trong suốt quá trình thực hiện dự án bao gồm giai đoạn chuẩn bị thi công, giai đoạn thi công, giai đoạn nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, vi phạm điểm c khoản 1, Điều 9⁸⁰ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và tiểu mục 3.1.5⁸¹ tại Định mức 957.

Do không chứng minh được sự cần thiết phải thuê tư vấn nước ngoài đối với 02 gói thầu TV hỗ trợ QLDA, TVGS; Bộ Ngoại giao chỉ gửi HSYC cho nhà thầu nước ngoài; nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng lại với nhà thầu trong nước nên việc ký hợp đồng với tư vấn nước ngoài gây thiệt hại NSNN. Tạm tính giá trị gây thiệt hại theo phương pháp: lấy giá trị quyết toán của gói thầu trừ đi các chi phí tư vấn được tính bổ sung ngoài chi phí quản lý dự án nếu thuê tư vấn trong nước theo Định mức 957 số tiền là 79,2 tỷ đồng, gồm:

+ Đối với Tư vấn nước ngoài hỗ trợ QLDA: giá trị quyết toán 33,6 tỷ đồng trừ đi chi phí tư vấn lập HSYC, đánh giá HSĐX và chi phí lập HSYC, chi phí sơ tuyển nếu thuê tư vấn trong nước là 1,1 tỷ đồng: $(33,6 \text{ tỷ đồng} - 1,1 \text{ tỷ đồng}) = 32,5 \text{ tỷ đồng}$. Chi phí này nếu cần thuê nước ngoài thì phải lấy trong tổng chi phí Ban QLDA đã được tính toán trong TMBT theo Định mức 1751 (tháng 7/2009) là 19,275 tỷ đồng.

+ Đối với hợp đồng thuê TVGS nước ngoài: giá trị quyết toán 60,4 tỷ đồng trừ đi chi phí TVGS và chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công nếu thuê tư vấn trong nước theo Định mức 957 là 13,7 tỷ đồng: $(60,4 \text{ tỷ đồng} - 13,7 \text{ tỷ đồng}) = 46,7 \text{ tỷ đồng}$.

Trách nhiệm để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

⁷⁸ Gói thầu mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc đã tổ chức đấu thầu trong nước nhưng không chọn được nhà thầu trúng thầu.

⁷⁹ Căn cứ yêu cầu chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn xây dựng, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng đề xuất việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng khi thấy cần thiết.

⁸⁰ Chi phí quản lý dự án bao gồm các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án. Chi phí quản lý dự án được xác định bằng định mức chi phí tỷ lệ hoặc lập dự toán.

⁸¹ Chi phí thuê tư vấn quản lý dự án xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung, khối lượng công việc do chủ đầu tư thuê và các chế độ chính sách theo quy định. Chi phí thuê tư vấn quản lý dự án được xác định trong phạm vi mức chi phí quản lý dự án theo công bố tại Quyết định này.

1.5. Việc thực hiện các gói thầu XL-05, XL-08, XL-14, TB-02, TB-04, TB-07, TB-09, TB-10 (03 giai đoạn), TB-12 (03 giai đoạn), TB-13

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt HSYC: Bộ Ngoại giao phê duyệt HSYC đối với một số gói thầu trước khi phê duyệt dự toán gói thầu nên HSYC được lập trên cơ sở giá gói thầu tạm tính trong các quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu (*thấp hơn đơn giá gói thầu dự toán được phê duyệt*), yêu cầu về năng lực tài chính đối với nhà thầu không đảm bảo để thực hiện gói thầu; phần yêu cầu về tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đối với *trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình năm của các thành viên* vi phạm điểm a khoản 2, Mục 13 Mẫu Hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 05/2010/TT-BKHĐT ngày 10/02/2010⁸²; Gói thầu TB-09, Công ty Temex mượn năng lực của nhà thầu thành viên Liên danh Coma để được Tư vấn đánh giá “đạt” và được chỉ định thầu để thực hiện gói thầu TB-09 dẫn đến nhiều hậu quả: trong quá trình thực hiện hợp đồng, Temex phải thuê nhà thầu phụ, chuyển bớt phần công việc cho thành viên khác trong liên danh, đến tháng 01/2018 xin chấm dứt hợp đồng làm phát sinh tranh chấp hợp đồng đến thời điểm thanh tra vẫn chưa được giải quyết, ảnh hưởng đến nhiều gói thầu khác như đã nêu tại mục 3 phần II.

- Giá trị dự toán được sử dụng để chỉ định thầu, ký kết hợp đồng với giá cao hơn nhiều lần giá thiết bị nhập khẩu sau thuế (từ khoảng 2 lần đến 13 lần); việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán của các gói thầu không có căn cứ, không phù hợp với giá thị trường, vi phạm điểm b khoản 1, Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP⁸³. Tổng giá trị thiết bị của 05 gói thầu (TB-02, TB04, TB-07, TB-09, TB-12) là 766,605 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thiết bị được kiểm tra là 183,747 tỷ đồng (chênh lệch đơn giá từ khoảng 2 đến 13 lần), giá trị chênh lệch tạm tính giữa giá trị hợp đồng và giá trị nhập khẩu là 108,866 tỷ đồng, có nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN.

- Về tổ chức chỉ định thầu: thời gian hoàn tất thủ tục chỉ định thầu đối với một số gói thầu (từ 105 ngày đến 627 ngày) vượt quá thời gian (từ 15 ngày đến 537 ngày) theo quy định tại điểm đ khoản 3, Điều 40 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP; khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2012/QĐ-TTg ngày 09/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (*Không quá 45 ngày, trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày*) làm chậm tiến độ của các gói thầu, không đạt được mục đích cho phép chỉ định thầu để đảm bảo tiến độ dự án, gây lãng phí NSNN.

- Về thời gian thực hiện hợp đồng: thời gian thực hiện Hợp đồng của các gói thầu đều vượt thời gian được quy định tại Hợp đồng ban đầu và phải gia hạn thời gian thực hiện theo tiến độ thực hiện của Dự án. Gói thầu XL-08, TB-13, khi tiến hành gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng, Ban QLDA không tiến hành rà soát, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, đồng thời chưa tiến hành xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt

⁸² Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMT cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

⁸³ Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình.

hại do chậm tiến độ gây ra, vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP; Gói thầu XL-08, Bộ Ngoại giao ban hành Quyết định gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng khi hết thời gian thực hiện hợp đồng và Gói thầu TB-04, TB-12 giai đoạn 1, TB-10 giai đoạn 1 ký Phụ lục gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng khi đã hết thời gian thực hiện hợp đồng, vi phạm khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 36 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, khoản 1, Điều 143 Luật Xây dựng năm 2014; Gói thầu XL-08, TB-04, TB-12 giai đoạn 1 ký một số Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khi chưa có văn bản cho phép của Bộ Ngoại giao, vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, Điều 143 Luật Xây dựng năm 2014; Gói thầu XL-08, TB-04, TB-13 gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng với lý do không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 38 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP.

Trách nhiệm để xảy ra những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm nêu trên thuộc về Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, Viện KTXD, các nhà thầu tư vấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.6. Về nguy cơ gây lãng phí trong triển khai thực hiện Dự án

Dự án đã bị chậm tiến độ hơn 10 năm, qua 04 lần điều chỉnh (thời gian hoàn thành được gia hạn, điều chỉnh từ 2014 đến năm 2025), không đạt được mục tiêu đã đề ra và có nguy cơ gây lãng phí ở một số nội dung:

- Lãng phí do dự án chậm tiến độ, dừng thi công làm phát sinh chi phí:

+ Việc dừng thi công theo từng giai đoạn đến nay Dự án không thể hoàn thành theo đúng tiến độ để bàn giao đưa vào sử dụng dẫn đến một số nhà thầu phải phát sinh chi phí sửa chữa, khắc phục trước khi nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; chi phí cho công tác bảo hành đối với các hệ thống thiết bị đã vượt quá thời hạn bảo hành và các chi phí khác như chi phí quản lý, chi phí bảo lãnh ngân hàng⁸⁴,...

+ Những phần công việc đã được nghiệm thu (toà A và toà B (phải) đã hoàn thành phần xây thô và hoàn thiện mặt ngoài) từ cuối năm 2016 với tổng giá trị phần xây lắp và thiết bị là 1.666,5 tỷ đồng, đến nay đã 09 năm nhưng chưa hoàn thành để bàn giao, đưa vào sử dụng.

- Lãng phí do nguồn vốn được cấp nhưng không sử dụng hết: Giai đoạn 2009-2024, Dự án không sử dụng hết vốn được bố trí, không đạt được các mục tiêu đã đề ra có nguy cơ gây lãng phí theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2013.

- Việc trích hao mòn tài sản cố định: theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính, tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tính hao mòn tài sản. Ban QLDA đã bàn giao tạm diện tích, các hạng mục đã hoàn thành ở giai đoạn 1 của Dự án trụ sở Bộ Ngoại giao (tòa B trái) cho Cục Quản trị-Tài vụ, Bộ Ngoại giao để đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, từ khi đưa (tòa B trái) vào sử dụng đến nay, Bộ Ngoại giao chưa tính hao mòn tài sản cố định. Ngoài ra, còn

⁸⁴ Tính đến thời điểm 01/7/2025 với tổng số tiền tạm tính khoảng 12,746 tỷ đồng.

hạng mục thực tế đã đưa vào sử dụng nhưng chưa tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (gói thầu Thi công hạng mục cảnh quan ngoài nhà).

- Về sử dụng chi phí quản lý dự án của Ban QLDA: trong các năm 2010, 2012, 2013, 2014: Ban QLDA thực hiện thanh quyết toán 08 đoàn ra (Hàn Quốc, Nhật Bản, Ô-xtrâyli-a, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hungari), thành phần trong các đoàn công tác có cả các cán bộ, công chức không thực hiện công tác QLDA, chi phí cho các cán bộ, công chức này là 0,738 tỷ đồng, vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí QLDA theo quy định tại khoản 1, Điều 3⁸⁵ Thông tư số 10/2011/TT-BTC.

Trách nhiệm để xảy ra tình trạng dự án chậm tiến độ, hiện nay vẫn chưa hoàn thành có nguy cơ gây lãng phí NSNN ở một số nội dung nêu trên thuộc về Bộ trưởng; Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án, phụ trách Cục Quản trị-Tài vụ; Cục Quản trị-Tài vụ; Ban QLDA và các đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan.

2. Nguyên nhân của những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm

2.1. Nguyên nhân khách quan

Thời điểm triển khai Dự án, pháp luật về đấu thầu, xây dựng có nhiều sự thay đổi. Giai đoạn đầu triển khai dự án (2008-2010), các quy định của Luật Xây dựng 2003, Luật Đấu thầu 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa cụ thể (chưa có quy định về hình thức hợp đồng kết hợp; các quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm tra, phê duyệt, thiết kế, dự toán chưa rõ ràng;...) và có nhiều điều chỉnh. Giai đoạn từ 2010-2017, các quy định pháp luật về đấu thầu đã được sửa đổi (Luật Đấu thầu năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/7/2014, Luật Xây dựng năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015), tuy nhiên các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật chậm được ban hành.

Quá trình triển khai quản lý Dự án có nhiều biến động về nhân sự: thay đổi Lãnh đạo Bộ Ngoại giao phụ trách Dự án (*từ khi triển khai Dự án đến nay đã có đến 10 Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được giao phụ trách Dự án; Giám đốc Ban QLDA cũng đã qua 03 lần thay đổi*), do nghỉ hưu theo chế độ, hoặc chuyển công tác; Lãnh đạo, công chức, người lao động của Ban QLDA cũng có nhiều thay đổi do nghỉ hưu, điều chuyển công tác. Trong thời gian triển khai giai đoạn 2 của Dự án cũng có bị ảnh hưởng về tiến độ do dịch Covid-19 bùng phát và phải thực hiện giãn cách xã hội.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Trong những nguyên nhân của các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm thì nguyên nhân chủ quan vẫn là cơ bản, chủ yếu, cụ thể như sau:

- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Thứ trưởng phụ trách Dự án, Lãnh đạo Bộ Ngoại giao tại thời điểm có vi phạm như nêu tại phần Kết quả thanh tra; có thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm trong việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc, lựa chọn phương án kiến trúc; phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng, dự toán, tổng dự toán và TMĐT; phê duyệt thuê tư vấn nước ngoài hỗ trợ quản lý dự án, tư vấn nước ngoài giám sát, không có căn cứ pháp lý; thực hiện trái ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, không đôn đốc, kiểm tra giám

⁸⁵ Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án trong suốt quá trình...

✓

sát và không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Người quyết định đầu tư, để xảy ra thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm trong nhiều khâu thực hiện dẫn đến Dự án bị chậm tiến độ đến nay vẫn chưa hoàn thành toàn bộ công trình, không đạt được mục tiêu đề ra, gây lãng phí, thiệt hại NSNN.

- Ban QLDA và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong quản lý dự án vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng, vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; vi phạm quy định về đấu thầu; sử dụng tư vấn không đảm bảo chất lượng, không đáp ứng điều kiện năng lực; vi phạm trong việc sử dụng tư vấn hỗ trợ quản lý dự án, tư vấn giám sát; cô ý trình phê duyệt dự toán các gói thầu và ký hợp đồng thiếu cơ sở, vượt TMĐT được phê duyệt; không thực hiện kịp thời các biện pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án, hiệu quả sử dụng vốn NSNN. Năng lực Ban QLDA còn nhiều hạn chế, mặc dù các công chức được cử đến làm việc tại Ban QLDA cơ bản có chuyên môn phù hợp với công tác quản lý dự án nhưng chưa từng tham gia quản lý các dự án lớn, nhiều công chức trước đó chỉ làm công tác ngoại giao.

- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện chức năng lập, thẩm tra, thẩm định TMĐT, dự toán gói thầu,... vi phạm quy định về chuyên môn nghề nghiệp; trong thực hiện nhiệm vụ và hợp đồng đã ký.

Về nguyên nhân chính dẫn đến chậm hoàn thành Dự án

- Vi phạm pháp luật về đấu thầu trong việc thi tuyển phương án kiến trúc, lập, thẩm định, phê duyệt Dự án, dẫn đến nội dung của Dự án còn nhiều hạn chế, điều chỉnh tăng TMĐT thiếu căn cứ; việc phê duyệt dự toán các gói thầu, tổ chức chỉ định thầu và ký hợp đồng vượt TMĐT trái quy định pháp luật về đấu thầu, về xây dựng gây ra nhiều khó khăn và làm kéo dài thời gian thực hiện Dự án.

- Vi phạm pháp luật về đấu thầu, đầu tư công trình xây dựng, trong việc lập HSYC, đánh giá HSDX một số gói thầu trái quy định; lập, thẩm định dự toán gói thầu không có căn cứ, không phù hợp với giá thị trường; tổ chức chỉ định thầu vượt quá thời gian theo quy định; vi phạm quy định về thuê tư vấn nước ngoài, vi phạm trong đàm phán ký kết hợp đồng giám sát tác giả.

3. Tính chất mức độ vi phạm

Những vi phạm của Bộ Ngoại giao, Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, các đơn vị tư vấn, các nhà thầu, tổ chức, cá nhân có liên quan là cố ý, kéo dài, được xác lập ngay từ khi chuẩn bị lập dự án đầu tư; vi phạm có tính chất mức độ lớn, gây hậu quả hoặc nguy cơ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan Nhà nước và uy tín của Bộ Ngoại giao.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những kết quả kiểm tra, xác minh, kết luận nêu trên, Tổng Thanh tra Chính phủ:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ

- Chỉ đạo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tổ chức kiểm điểm để xử lý trách nhiệm và có hình thức xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với tập thể, cá nhân (theo từng thời kỳ) liên quan đến các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm được nêu trong Kết luận thanh tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Kiến nghị Kiểm toán Nhà nước kiểm toán việc lập dự toán, tổng dự toán, TMĐT để làm căn cứ tiếp tục thực hiện và quyết toán dự án, đặc biệt là giá trị dự toán các hạng mục, khối lượng, biện pháp thi công, giá trị thiết bị có tính chất đặc thù, đặc biệt, chênh lệch giá cao giữa giá dự toán và giá nhập khẩu, giá trị thi công,...

- Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan định mức thuê tư vấn nước ngoài khi tham gia hoạt động tại Việt Nam; xây dựng suất đầu tư đối với các công trình trụ sở cơ quan có tính chất đặc thù làm cơ sở quản lý, thực hiện. *(Chi tiết theo Phụ lục số 23).*

- Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương ban hành hoặc xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn làm rõ phương pháp xác định giá trị lãng phí trong các lĩnh vực để có cơ sở xử lý trách nhiệm. *(Chi tiết theo Phụ lục số 23).*

2. Đối với Bộ Công an

Thanh tra Chính phủ chuyên thông tin, hồ sơ, tài liệu, vụ việc có dấu hiệu: Vi phạm các quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 222; Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 224; Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí theo Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015 đến Bộ Công an để xem xét, xử lý theo thẩm quyền, với các nội dung:

(1). Vi phạm quy định về đấu thầu: Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc tự ý thay đổi mức điểm tối thiểu từ 70 điểm xuống 60 điểm để đưa thêm phương án đơn vị tư vấn đã bị loại vào để xếp loại (vì tại bước đánh giá chi tiết vào bỏ phiếu để xếp loại giải thưởng thì Công ty Heerim của Hàn Quốc chỉ đạt 68,3 điểm được lựa chọn phương án kiến trúc, Công ty GMP của Đức đạt cao nhất 78,2 điểm lại bị loại), vi phạm Quy chế làm việc của Hội đồng, gây nhiều hậu quả.

Bộ Ngoại giao thực hiện tổ chức chỉ định thầu và ký hợp đồng của 20 gói thầu với giá trị là 4.388,471 tỷ đồng (vượt 904,456 tỷ đồng so với TMĐT được phê duyệt là 3.484 tỷ đồng), vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP⁸⁶, vi phạm điều cấm trong đấu thầu theo quy định tại khoản 17, Điều 12 Luật Đấu thầu năm 2005⁸⁷ đồng thời trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1866/TTg-KTN ngày 03/11/2008, dẫn đến phát sinh nhiều vướng mắc, chậm tiến độ của dự án, có nguy cơ gây thiệt hại, lãng phí cho NSNN và nợ đọng vốn của một số nhà thầu đã ký hợp đồng cho cả dự án như đã nêu tại mục 3 phần II.

(2). Việc trình, thẩm tra và phê duyệt dự toán chi phí lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán trùng lặp mục chi phí tư vấn giai đoạn 1 (lập dự án và thiết kế cơ sở), gây thiệt hại (tạm tính theo dự toán được phê duyệt là 139,425 tỷ đồng - 96,525 tỷ đồng) = 42,9 tỷ đồng.

(3). Vi phạm về việc ký hợp đồng thuê Tư vấn nước ngoài: tổng giá trị gây thiệt hại NSNN (tạm tính) là 79,2 tỷ đồng, gồm:

⁸⁶ TMĐT, dự toán xây dựng công trình phải được dự tính theo đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. TMĐT là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.

⁸⁷ Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.

+ Đối với Tư vấn nước ngoài hỗ trợ QLDA: giá trị quyết toán với nhà thầu nước ngoài là 33,6 tỷ đồng trừ đi chi phí tư vấn thuê tư vấn trong nước tính theo Định mức 957 là 1,1 tỷ đồng: $(33,6 \text{ tỷ đồng} - 1,1 \text{ tỷ đồng}) = 32,5 \text{ tỷ đồng}$.

+ Đối với hợp đồng thuê TVGS nước ngoài: giá trị quyết toán với nhà thầu nước ngoài là 60,4 tỷ đồng trừ đi chi phí TVGS thuê tư vấn trong nước theo Định mức 957 là 13,7 tỷ đồng: $(60,4 \text{ tỷ đồng} - 13,7 \text{ tỷ đồng}) = 46,7 \text{ tỷ đồng}$.

(4). Vi phạm trong đàm phán và ký hợp đồng đối với chi phí giám sát tác giả: theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt là hợp đồng trọn gói nhưng Ban QLDA đã ký bổ sung thêm hợp đồng 6,035 tỷ đồng, (trong đó đã thanh toán cho nhà thầu 5,426 tỷ đồng) gây thiệt hại cho NSNN.

Như vậy, tổng giá trị nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN (tạm tính) là 42,9 tỷ đồng + 79,2 tỷ đồng + 5,426 tỷ đồng = 127,526 tỷ đồng.

(5). Vi phạm trong lập HSYC, đánh giá HSDX một số gói thầu trái quy định và việc lập, thẩm định dự toán gói thầu được sử dụng để chỉ định thầu, cụ thể như: giá trị hợp đồng về thiết bị cao hơn nhiều lần giá thiết bị nhập khẩu sau thuế (từ khoảng 2 lần đến 13 lần); việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán của các gói thầu không có căn cứ, không phù hợp với giá thị trường. Qua kiểm tra, xác minh giá trị phần thiết bị là 183,747 tỷ đồng trong tổng số giá trị thiết bị là 766,605 tỷ đồng của 05 gói thầu (TB-02, TB-04, TB-07, TB-09, TB-12), thì giá trị chênh lệch tạm tính giữa giá trị hợp đồng và giá trị nhập khẩu là 108,866 tỷ đồng (59,2% hợp đồng), nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN.

Ngoài ra, việc để Dự án dừng thi công (theo từng giai đoạn) và kéo dài hơn 10 năm gây lãng phí số vốn Nhà nước đã chi cho dự án hơn 4.000 tỷ đồng.

3. Đối với Bộ Ngoại giao và các đơn vị trực thuộc

3.1. Bộ Ngoại giao

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, Bộ Ngoại giao phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với Dự án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trên cơ sở đó, Bộ Ngoại giao tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt, đảm bảo hoàn thành Dự án trong thời gian sớm nhất để đưa toàn bộ công trình vào sử dụng, tránh gây thất thoát, lãng phí NSNN.

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm, vi phạm trong lập TMĐT, đảm bảo chính xác và đúng quy định của pháp luật để tránh thất thoát, lãng phí vốn NSNN đầu tư cho Dự án. Chỉ đạo xử lý trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan nêu tại Kết luận thanh tra.

- Căn cứ Kết luận của Thanh tra Chính phủ, kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khác và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện:

+ Kiểm điểm để xử lý nghiêm trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với tập thể, cá nhân (theo từng thời kỳ) có liên quan đến khuyết điểm, vi phạm.

+ Tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với: Ban QLDA, Cục Quản trị-Tài vụ, Người đứng đầu, cấp phó của Người đứng đầu đơn vị (theo từng thời kỳ) có liên quan đến khuyết điểm, vi phạm; Giám đốc Ban QLDA, Phó Giám đốc BQLDA, Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật, Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị, cá nhân

(theo từng thời kỳ) có liên quan đến khuyết điểm, vi phạm, đồng thời có hình thức xử lý kỷ luật nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức kiểm điểm theo quy định của pháp luật đối với những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm khác thuộc trách nhiệm của Bộ Ngoại giao (theo từng thời kỳ) đã được nêu tại Kết luận thanh tra, báo cáo cấp có thẩm quyền; chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao, Ban QLDA kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật (theo từng thời kỳ) đối với những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm khác thuộc trách nhiệm của đơn vị nêu tại Kết luận thanh tra, chấn chỉnh công tác quản lý, có giải pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm đã được chỉ ra tại Kết luận thanh tra.

- Căn cứ quy định pháp luật, rà soát, tổ chức xác định thiệt hại và xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm và bồi thường hợp đồng theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo không thất thoát tiền, tài sản của Nhà nước đối với các nội dung nêu tại mục 1 Phần III Kết luận này.

3.2. Đối với Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao theo thẩm quyền chỉ đạo Giám đốc Ban QLDA chấn chỉnh quản lý nhằm xử lý, khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót, vi phạm nêu tại Kết luận thanh tra, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Ban QLDA rà soát, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thuộc Ban QLDA (theo từng thời kỳ), các nhà thầu, đơn vị tư vấn, cá nhân khác có liên quan đến thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm được nêu trong kết luận thanh tra dẫn đến chậm tiến độ thực hiện dự án, xử lý theo đúng quy định pháp luật, đồng thời phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Rà soát, tập hợp, có biện pháp quản lý, lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình triển khai thực hiện Dự án, đảm bảo đúng các quy định, phục vụ công tác quản lý dự án, kiểm toán và các hoạt động khác của các cơ quan chức năng. Trường hợp thất lạc, mất hồ sơ, tài liệu quản lý dự án thì phải làm rõ, xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tập thể có liên quan và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Có trách nhiệm thu hồi 0,738 tỷ đồng do vi phạm nguyên tắc quản lý chi phí QLDA theo quy định tại khoản 1, Điều 3⁸⁸ Thông tư số 10/2011/TT-BTC nộp NSNN theo quy định.

4. Đối với Bộ Xây dựng

- Chỉ đạo Viện KTXD xây dựng rà soát, xử lý trách nhiệm theo thẩm quyền trong việc thẩm tra một số nội dung của Dự án, cụ thể:

+ Thẩm tra dự toán chi phí lập dự án, thiết kế xây dựng và lập tổng dự toán là 139,425 tỷ đồng, trong đó tính trùng chi phí là 42,9 tỷ đồng như đã nêu tại mục 2.1. Phần II và mục 1.2 Phần III Kết luận này.

+ Thẩm tra TMĐT, nêu căn cứ tham khảo TMĐT của dự án D329 (trụ sở Bộ Công an, số 47 Phạm Văn Đồng), tuy nhiên không đưa ra được các tài liệu chứng minh đã tham khảo các dự án tương tự dẫn đến TMĐT không phù hợp với

⁸⁸ Chi phí quản lý dự án đầu tư là toàn bộ các khoản chi phí cần thiết để chủ đầu tư, BQLDA tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án trong suốt quá trình...

quy mô của công trình phải điều chỉnh TMĐT dẫn đến phân kỳ đầu tư làm phát sinh nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

+ Thẩm tra dự toán các gói thầu không có căn cứ, không phù hợp với giá thị trường vi phạm điểm b khoản 1, Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP⁸⁹, không cung cấp được tài liệu chứng minh cơ sở thẩm tra dẫn đến giá hợp đồng cao hơn nhiều lần giá thiết bị nhập khẩu sau thuế giá có nguy cơ gây thiệt hại cho NSNN.

- Chấn chỉnh công tác thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra chi phí xây dựng của các đơn vị thuộc Bộ đảm bảo chất lượng, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ động phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan tăng cường kiểm tra chuyên ngành về việc chấp hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức trong lĩnh vực xây dựng đối với quá trình đầu tư xây dựng các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của các Bộ, ngành để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm phát sinh, nhất là các hành vi gây lãng phí, vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Đối với Bộ Tài chính

Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ TMĐT điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao thiếu căn cứ tại Văn bản số 3358/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/5/2013.

V. VỀ KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG XỬ LÝ

Tại Báo cáo số 4859/BC-BNG ngày 31/7/2025 báo cáo dự án đầu tư xây dựng phục vụ thanh tra, Bộ Ngoại giao kiến nghị: (1) Cho phép dừng chủ trương đầu tư và cho cơ chế xử lý các vướng mắc, tồn đọng của dự án về xử lý vật tư, thiết bị tồn kho, chấm dứt, thanh lý hợp đồng để Bộ Ngoại giao quyết toán vốn đầu tư công đã đầu tư vào Dự án đến thời điểm dừng thực hiện (kể cả giá trị thực hiện dở dang) để xác định giá trị tài sản công hình thành sau đầu tư, làm căn cứ điều chuyển sang cho Tập đoàn PVN. (2) Khởi động lại Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát việc điều chuyển Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao sang Tập đoàn PVN. (3) Cho phép Bộ Ngoại giao nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phương án lập dự án đầu tư xây dựng Trụ sở mới của Bộ Ngoại giao tại một địa điểm phù hợp.

Tuy nhiên, khi lập dự án đầu tư, Bộ Ngoại giao đã xác định Dự án có các hạng mục đặc biệt là sân đỗ trực thăng, hầm thoát hiểm và khi trình điều chỉnh tăng TMĐT, bổ sung thêm Trung tâm lưu trữ là hạng mục đặc biệt. Trong TMĐT điều chỉnh từ 3.484 tỷ đồng lên 6.988 tỷ đồng có nhiều nội dung phát sinh do tính chất đặc thù của công trình 1.584,8 tỷ đồng (mặc dù chưa có tài liệu chứng minh); mặt khác Dự án còn nhiều vướng mắc như đã nêu trên, cần phải được kiểm toán để xác định chính xác giá trị dự toán, tổng dự toán, TMĐT làm căn cứ tiếp tục thực hiện Dự án. Do đó, việc điều chuyển Dự án xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao cho các cơ quan, tổ chức Nhà nước cần tính đến các yếu tố này để đảm bảo không gây thất thoát, lãng phí NSNN.

⁸⁹ Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình.

Thanh tra Chính phủ gửi Kết luận đến UBKT TW để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Trên đây là Kết luận thanh tra Dự án có khó khăn, vướng mắc và thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống lãng phí, tiêu cực trong đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao và các đơn vị liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Kết luận thanh tra.

Quá trình thực hiện Kết luận thanh tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật hình sự, gây thiệt hại tiền, tài sản của Nhà nước thì các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra chuyển thông tin, hồ sơ vụ việc đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
 - Phó TTg TT Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
 - Ủy ban Kiểm tra Trung ương (để b/c);
 - Ban Nội chính Trung ương (để b/c);
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
 - Phó Tổng TT Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Quảng;
 - Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Dương Quốc Huy;
 - Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Sỹ Bảy;
 - Bộ Ngoại giao (để thực hiện);
 - Bộ Công an (để phối hợp);
 - Các Bộ: Tài chính, Xây dựng (để phối hợp);
 - Thanh tra Chính phủ: Cục XI, Cục XIII, Cục XIV, Vụ KHTC;
 - Lưu: VT, Đoàn thanh tra. (TKH, 19b)
- (Tài liệu được phép sao chụp theo quy định)

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lê Sỹ Bảy